



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

BẢN TIN

KINH TẾ- XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA

Tháng 8 năm 2023



Khánh Hòa, tháng 8 năm 2023

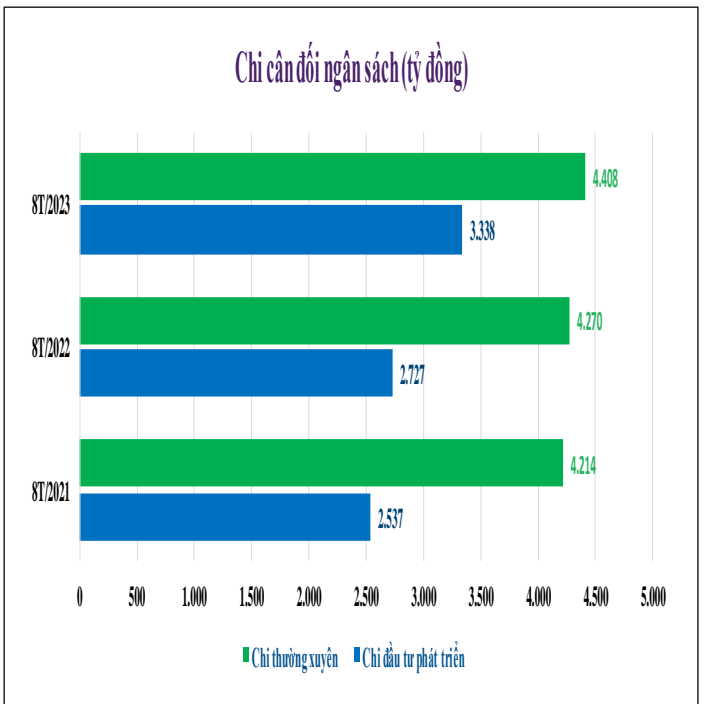
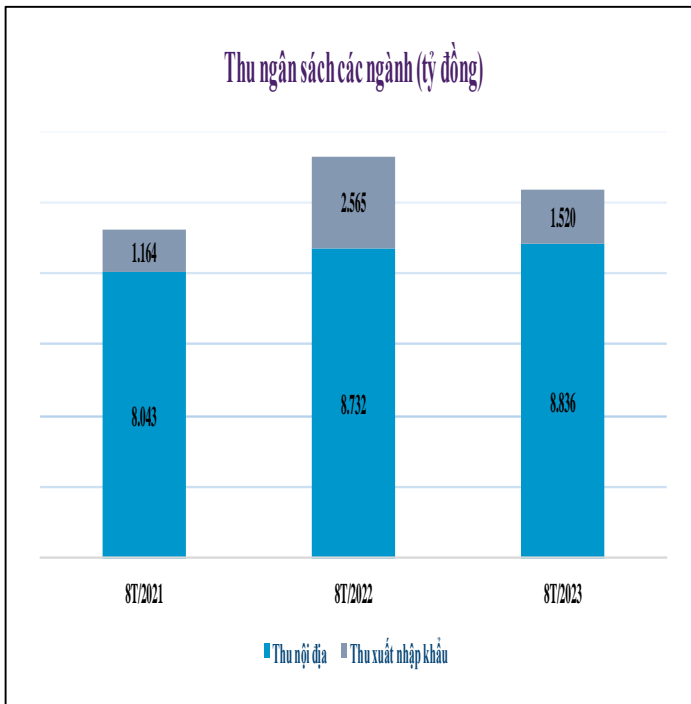
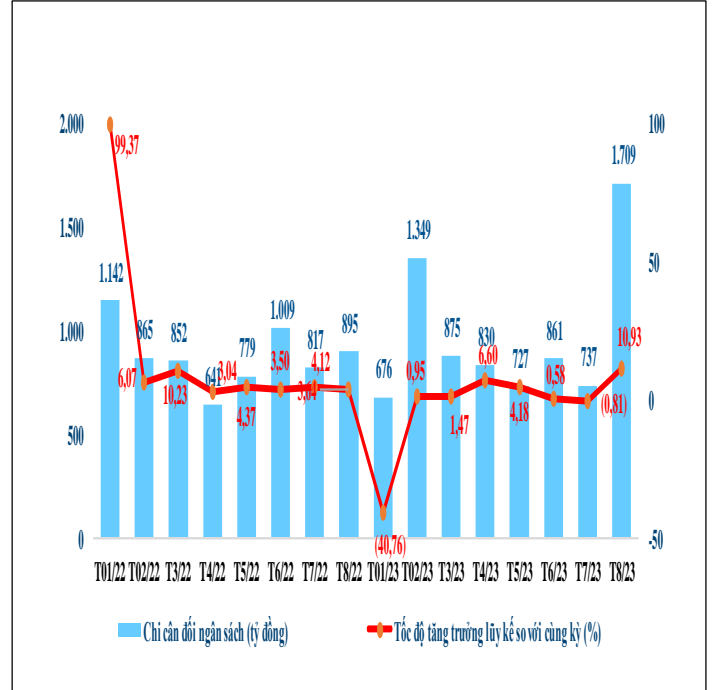
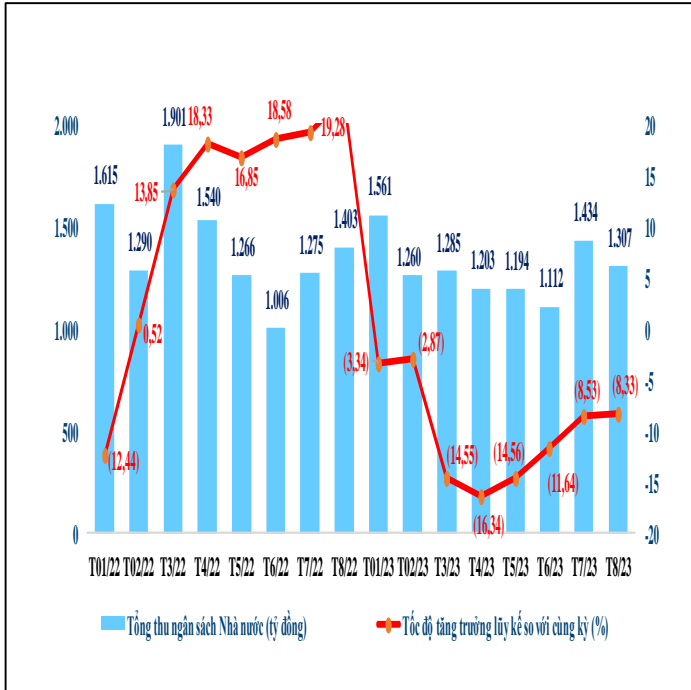
1 THU - CHI NGÂN SÁCH THÁNG 8/2023

↓ 8,33%

Thu ngân sách lũy kế so với cùng kỳ

↑ 10,93%

Chi ngân sách lũy kế so với cùng kỳ



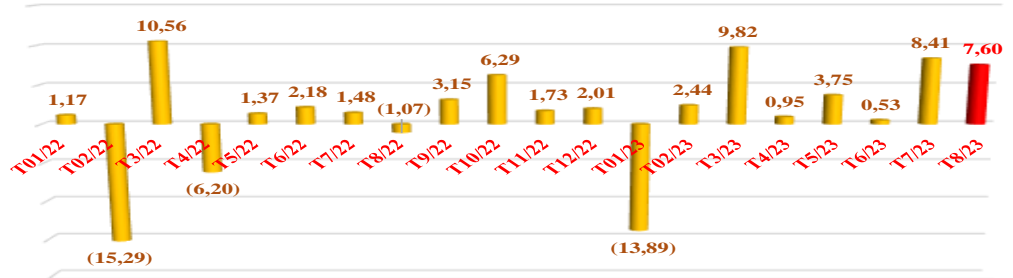
Nguồn: Sở Tài Chính và Cục Thống kê tổng hợp

2 CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (IIP) THÁNG 8/2023

↑ 7,60%

IIP so với tháng trước

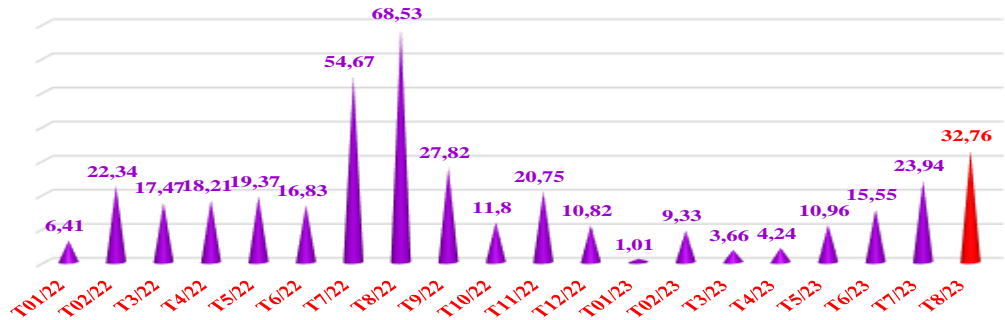
IIP so với tháng trước (%)



↑ 32,76%

IIP so với tháng cùng kỳ

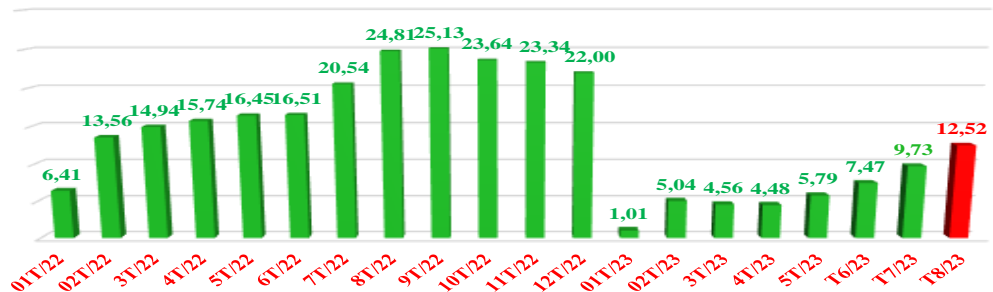
IIP so với tháng cùng kỳ (%)



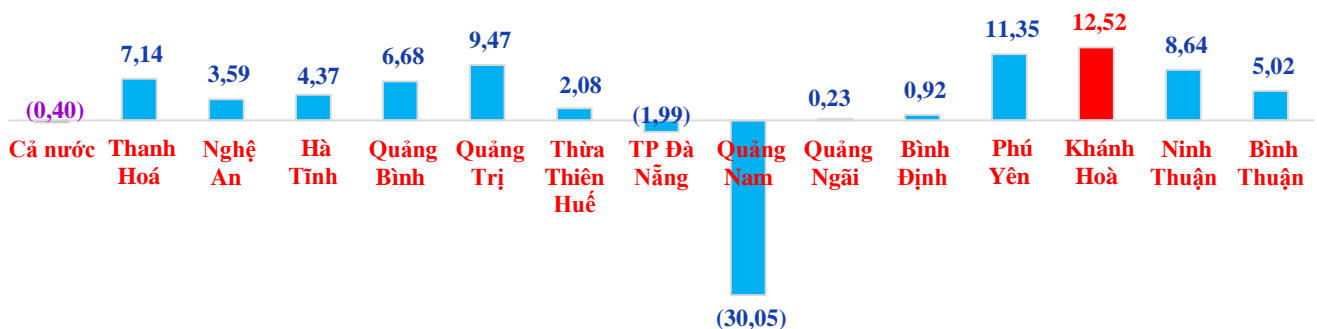
↑ 12,52%

IIP lũy kế so với cùng kỳ

IIP lũy kế so với cùng kỳ (%)

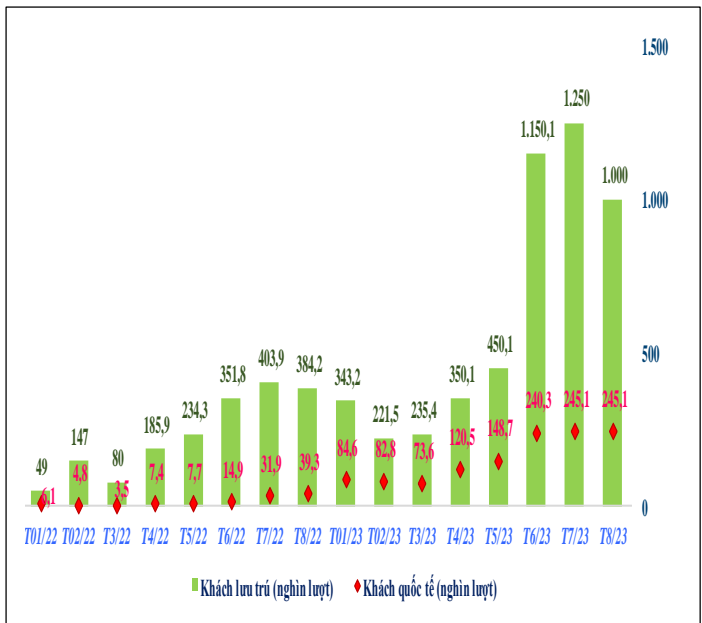
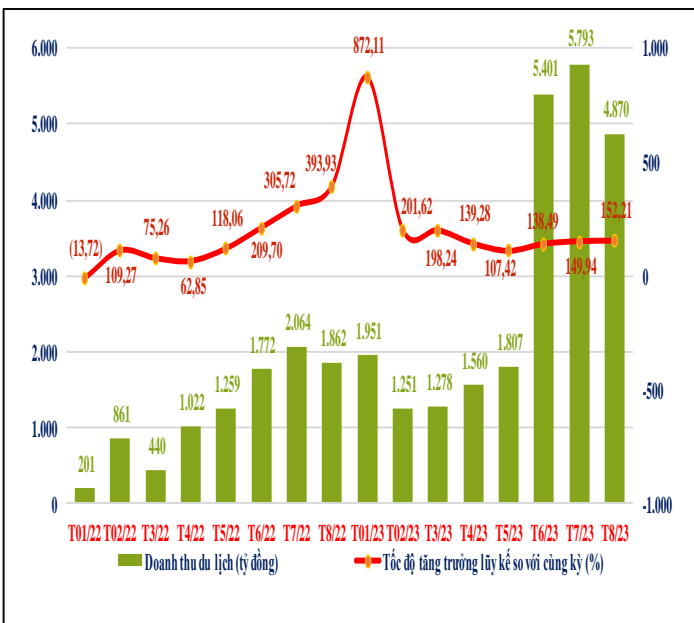
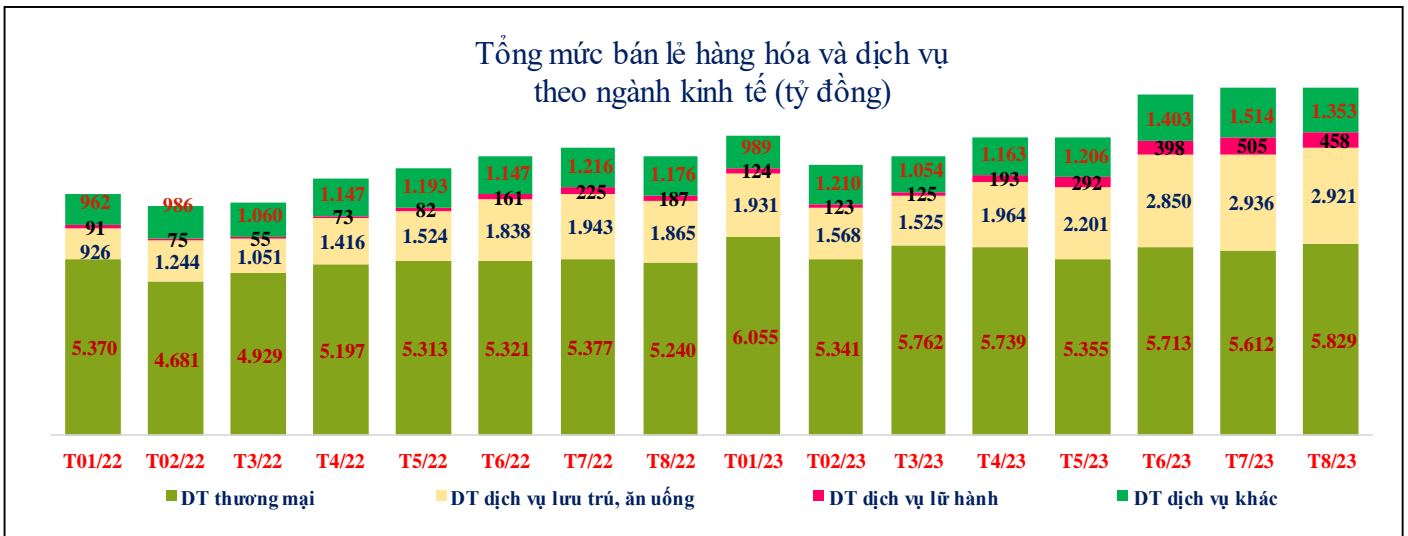
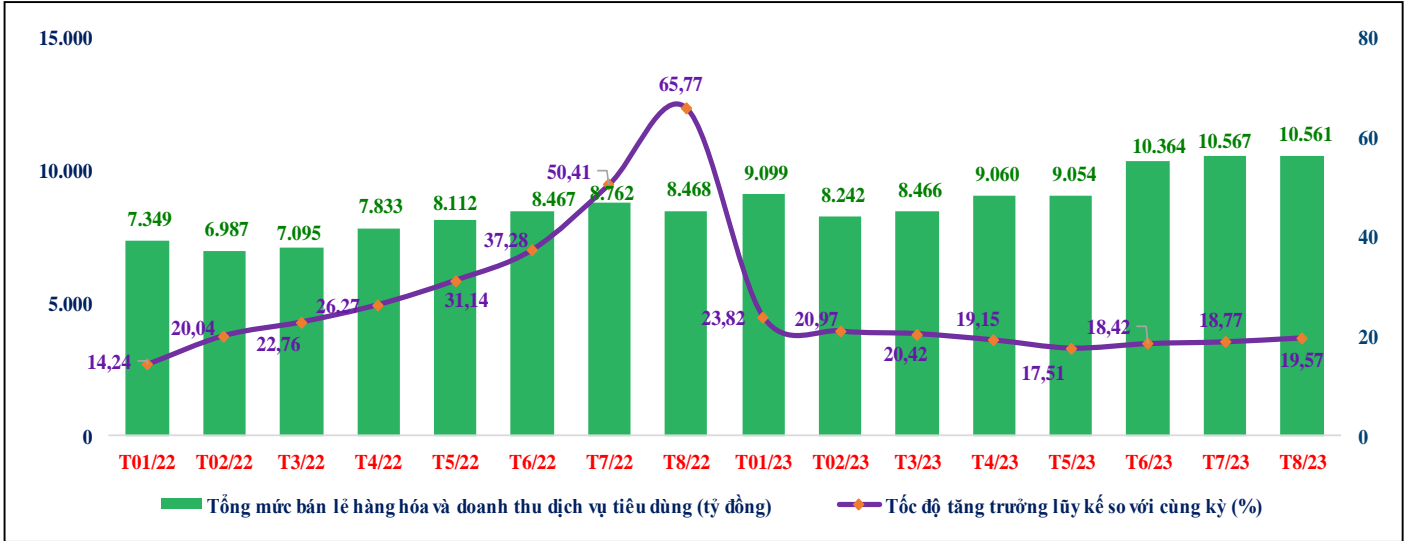


IIP 8 tháng đầu năm 2023 của cả nước, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung (%)



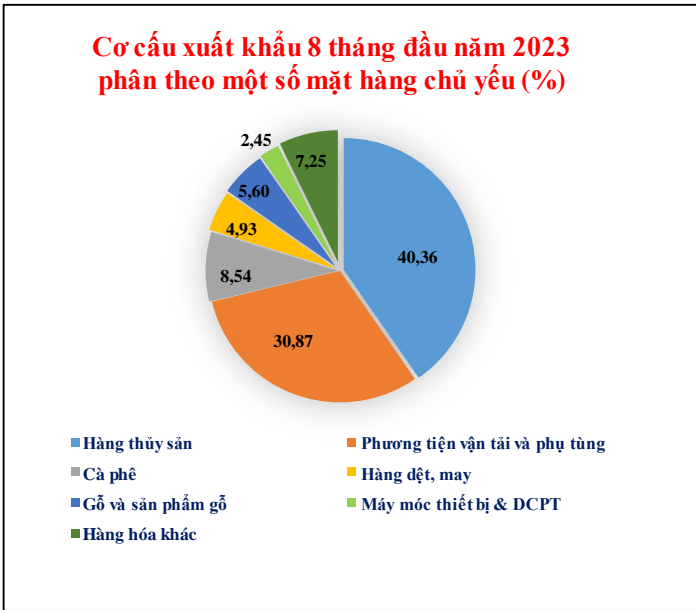
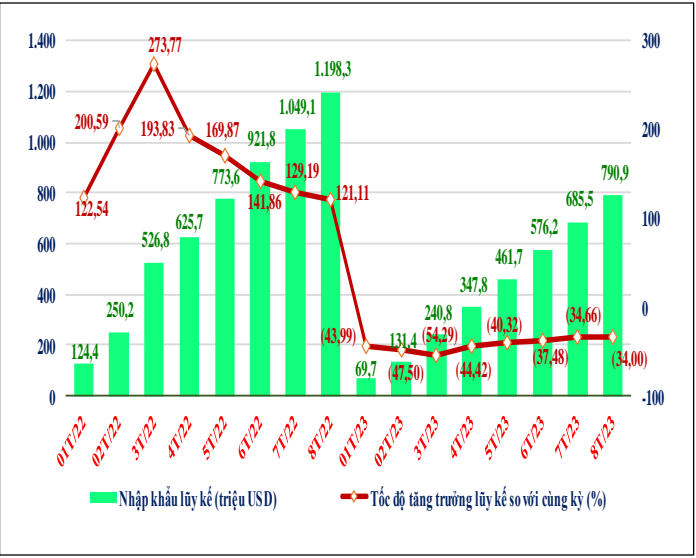
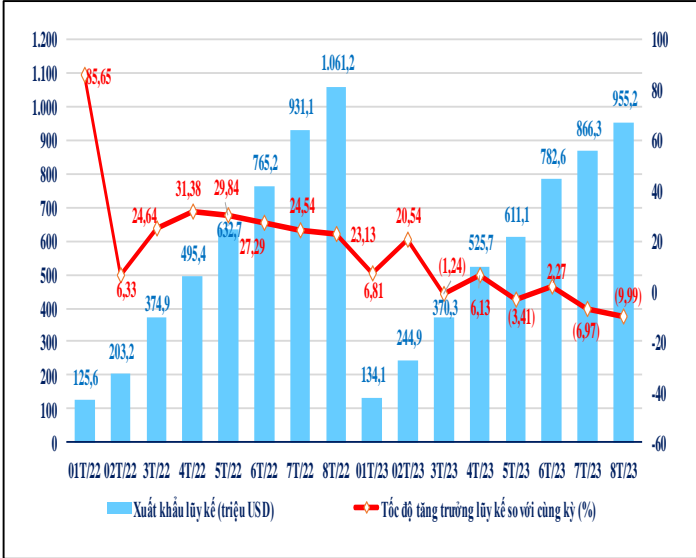
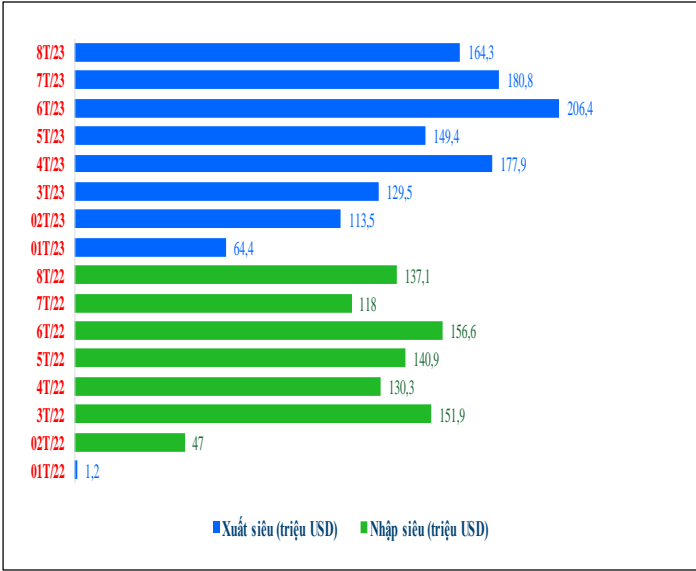
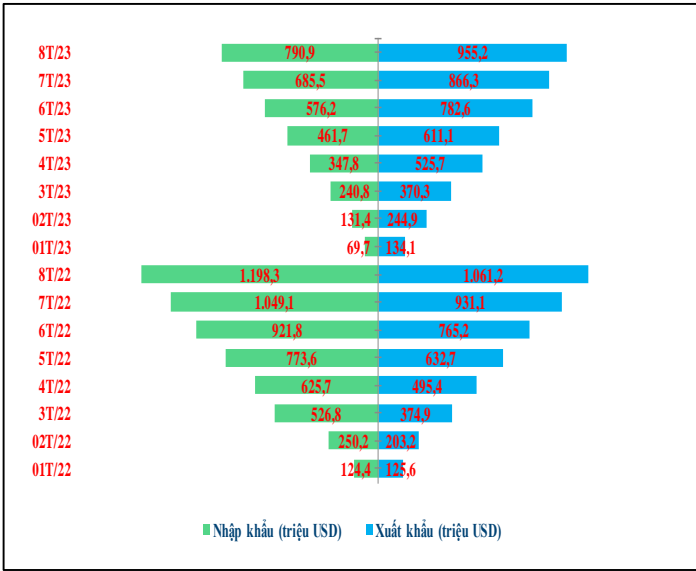
Nguồn: Cục Thống kê Khánh Hòa

3 TỔNG MỨC BÁN LẺ - DỊCH VỤ DU LỊCH THÁNG 8/2023



Nguồn: Sở du lịch và Cục Thống kê tổng hợp

4 XUẤT - NHẬP KHẨU HÀNG HÓA THÁNG 8/2023



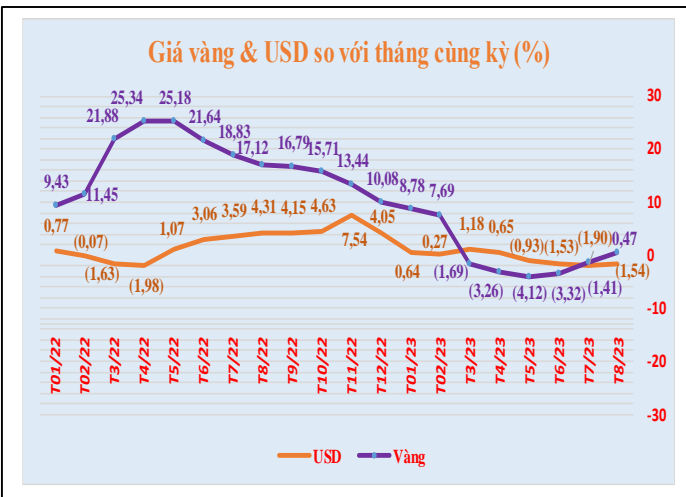
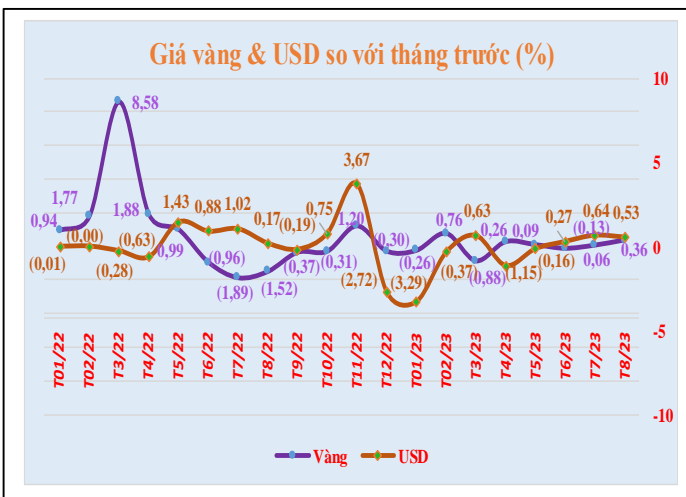
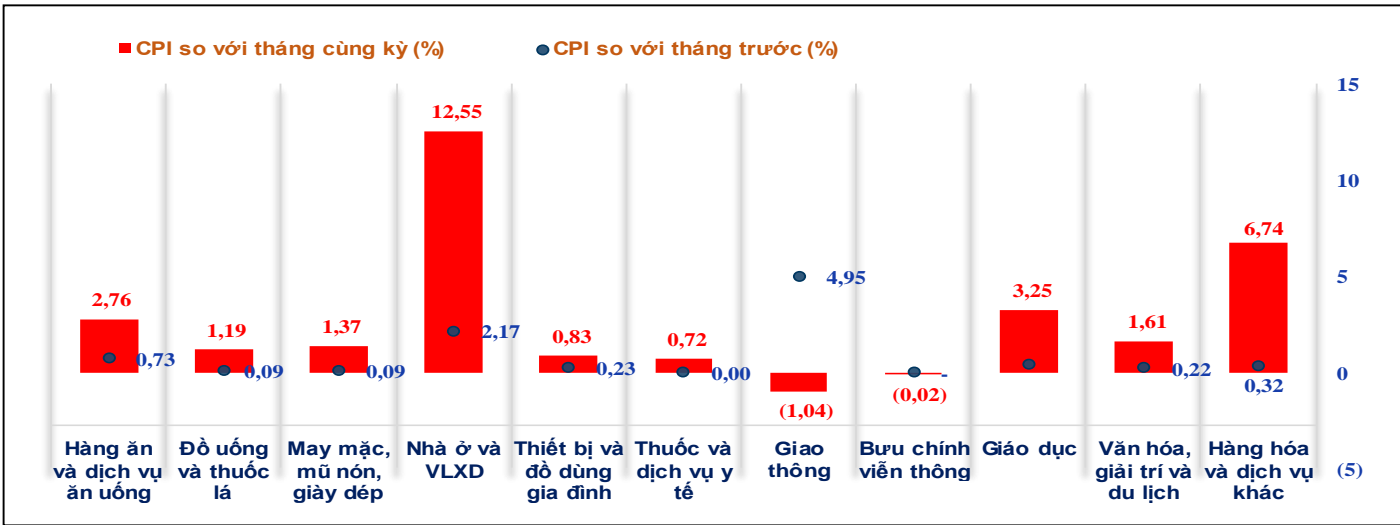
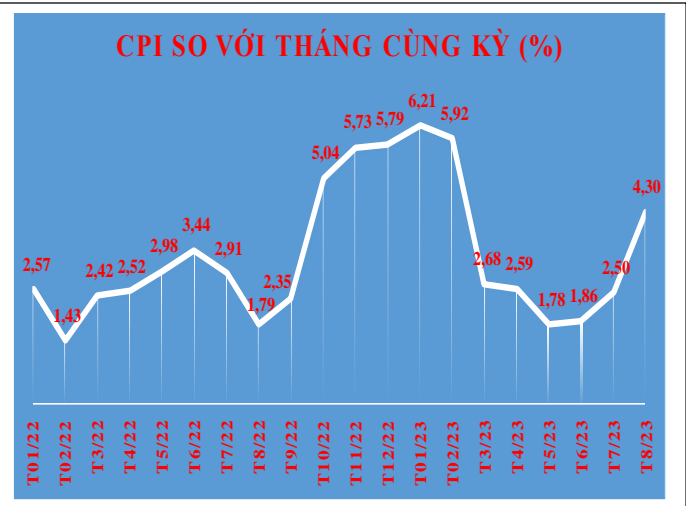
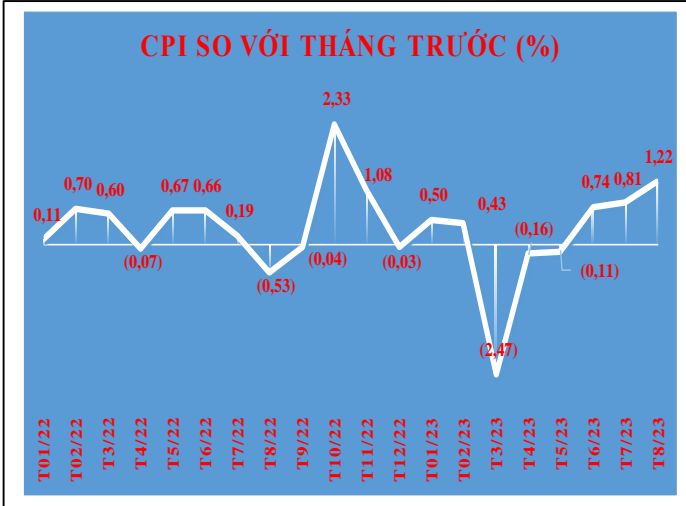
Nguồn: Cục Thống kê Khánh Hòa

5 CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI) THÁNG 8/2023

↑ 1,22%
Tháng báo cáo
so với tháng trước

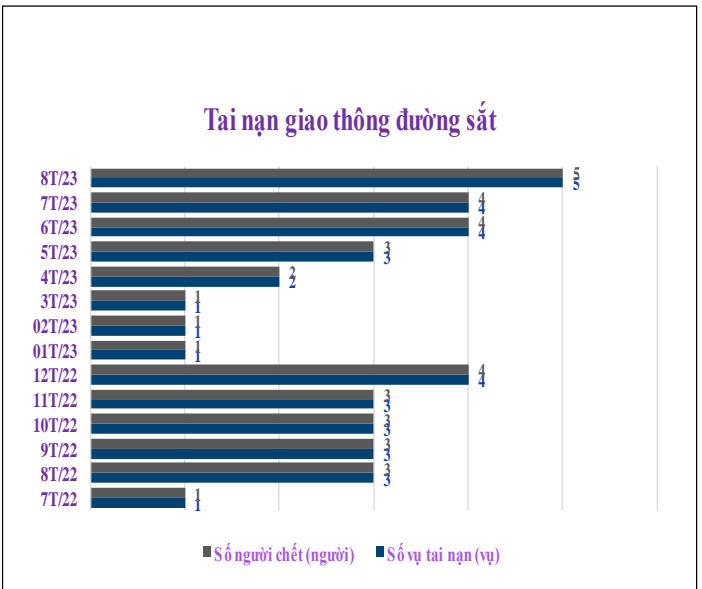
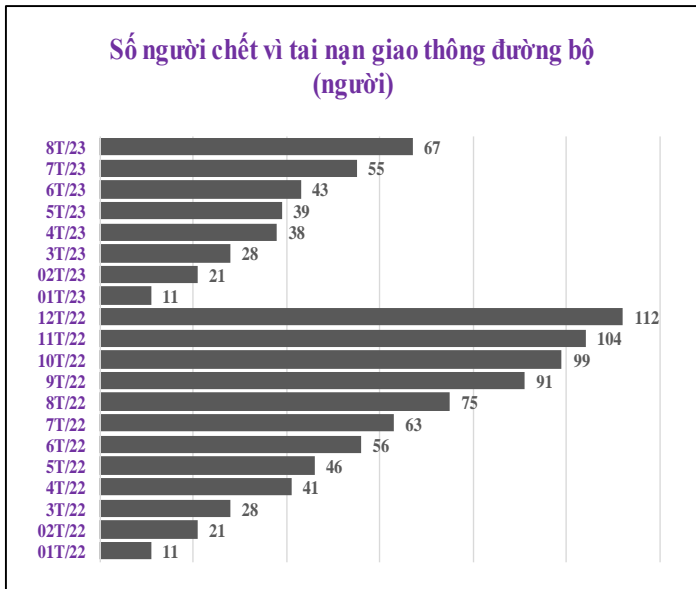
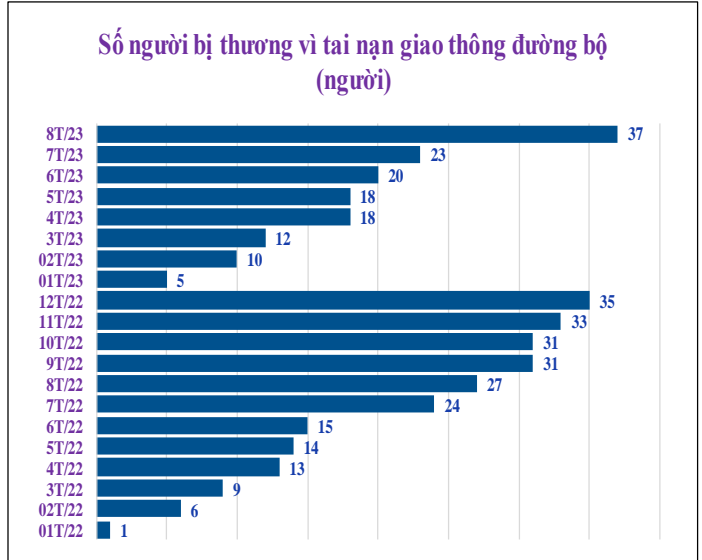
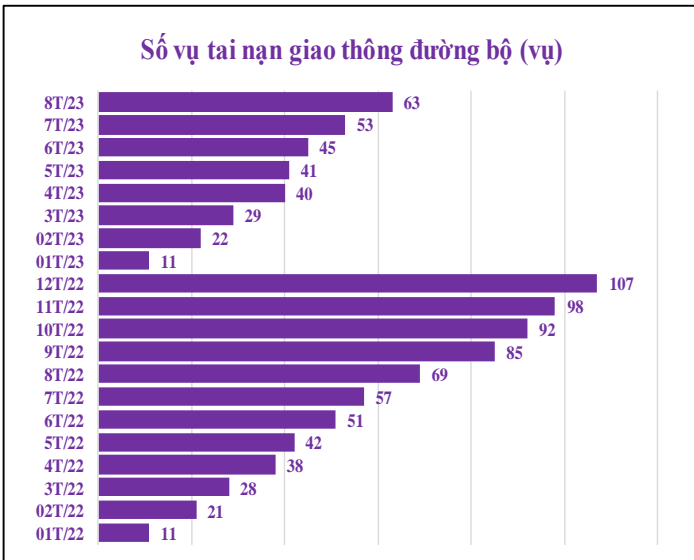
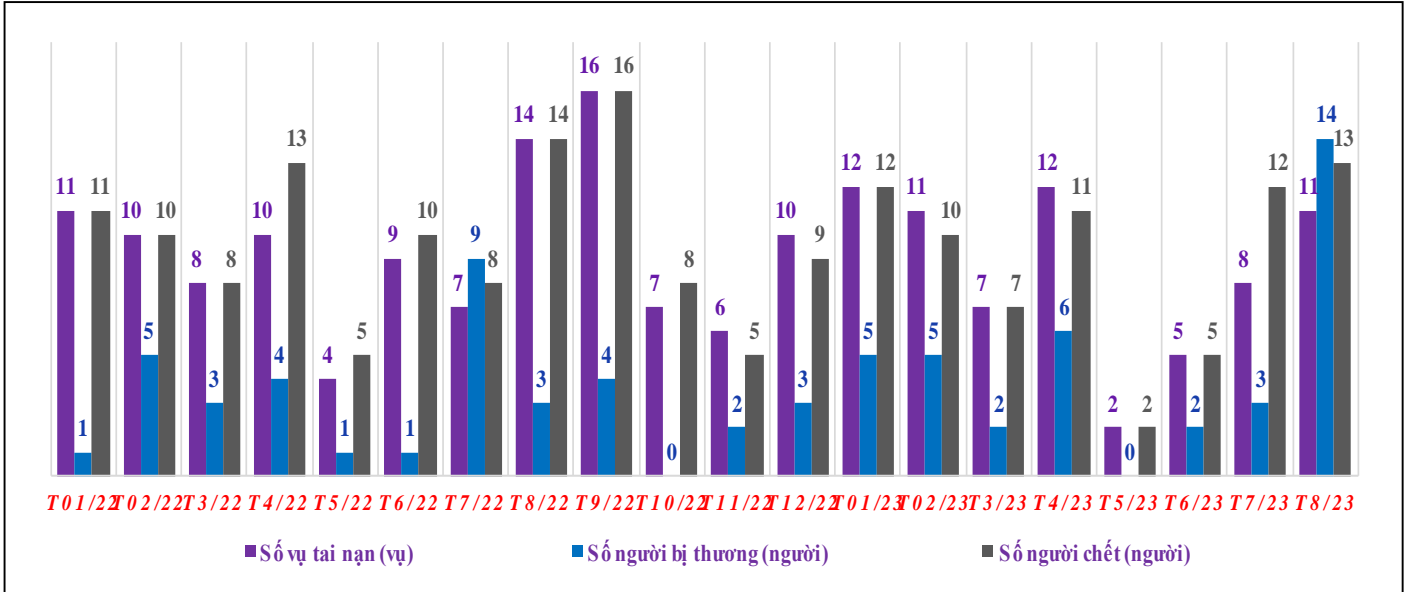
↑ 4,30%
Tháng báo cáo
so với cùng kỳ

↑ 3,47%
Lũy kế so với cùng kỳ



Nguồn: Cục Thống kê Khánh Hòa

6 TÌNH HÌNH TAI NẠN GIAO THÔNG THÁNG 8/2023



Nguồn: Ban ATGT và Cục Thống kê tổng hợp

7 NHỮNG NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 8/2023

Sản xuất công nghiệp

Nhà máy nhiệt điện BOT Vân phong 1 đã vận hành thêm tổ máy 2 làm cho chỉ số IIP ngành sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao, gấp 4,23 lần so cùng kỳ năm trước, góp phần duy trì mức tăng trưởng của sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tăng 7,6% so với tháng trước và 32,76% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,52% so cùng kỳ năm trước: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí gấp 2,25 lần; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,35%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,23%; ngành khai khoáng giảm 16,93%.

Nhiều sự kiện văn hóa lớn nhằm quảng bá hình ảnh Nha Trang - Khánh Hòa

Tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức nhiều sự kiện văn hóa lớn như: Chương trình chính luận nghệ thuật “Mạnh giàu từ biển quê hương”; sự kiện thể thao Giải VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2023 đã góp phần đưa tổng mức bán hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ước được 122.108,2 tỷ đồng, tăng 17,65% so cùng kỳ năm trước; trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được 75.412,5 tỷ đồng, tăng 19,57%; Ngành thương mại tăng 9,6%; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 51,55%; ngành du lịch lữ hành gấp 2,34 lần; ngành dịch vụ khác tăng 11,34%.

Du lịch tiếp tục tăng trưởng mạnh

- Tiếp nối chuỗi sự kiện du lịch hè, Giải VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2023 là một sự kiện để quảng bá hình ảnh du lịch của Nha Trang - Khánh Hòa, thu hút lượng lớn khách du lịch đến với thành phố biển. Bên cạnh đó, tần suất các chuyến bay từ các thị trường quốc tế đến Khánh Hòa được duy trì và tăng trưởng.
- Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động du lịch được 23.909,7 tỷ đồng, gấp 2,52 lần so cùng kỳ năm trước; khách lưu trú được 5 triệu lượt người với 13.434,8 nghìn ngày khách, lần lượt gấp 2,72 lần và gấp 3,09 lần (trong đó 1.240,8 nghìn lượt khách quốc tế với 5.275,1 nghìn ngày khách quốc tế, lần lượt gấp 10,74 lần và gấp 10,49 lần).

Xuất, Nhập khẩu hàng hóa tiếp tục giảm

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng ước được 1.746 triệu USD, giảm 22,72% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu được 955,2 triệu USD, giảm 9,99%; nhập khẩu được 790,9 triệu USD, giảm 34%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Giá gas trong nước được điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới; giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống và giá nhóm giáo dục tăng do nhu cầu tăng cao; đồng thời, giá xăng, dầu được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng đã tác động đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 tăng 1,22% so với tháng trước; tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,9% so với tháng 12/2022. CPI bình quân 8 tháng đầu năm 2023 tăng 3,47% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 3,71%; khu vực nông thôn tăng 3,19%.



TỔNG CỤC THỐNG KÊ CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Thu ngân sách		91,67%
Chi ngân sách		110,93%
Diện tích gieo trồng cây hàng năm		96,09%
Chỉ số sản xuất công nghiệp		112,52%
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách NN		107,08%
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng		119,57%
Kim ngạch xuất khẩu		90,01%
Doanh thu du lịch		252,21%
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân		103,47%

*Tốc độ phát triển của các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu
8 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước*

KHÁNH HÒA, 8/2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023






1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung chăm sóc, thu hoạch lúa, hoa màu vụ Hè Thu và gieo trồng các loại cây vụ Mùa. Giá lúa hiện đang tăng đã giúp người dân có được lợi nhuận và yên tâm tập trung sản xuất cho vụ mùa tiếp theo. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tốt; các trang trại và hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục tái đàn sau khi xuất bán nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Hoạt động thủy sản đang là cao điểm mùa vụ khai thác, nhiều tàu nằm bờ đã ra khơi đánh bắt; giá thủy sản tăng đã khuyến khích các ngư dân bám biển, tăng chuyến đánh bắt thủy sản. Về nuôi trồng thủy sản, hiện tại các hộ đang chuẩn bị thả giống cho vụ nuôi cuối năm, các giống sẽ được thả xen kẽ với các lồng hỗn hợp để đảm bảo kịp thời gian thu hoạch đợt 1 vào khoảng tháng 11 và đợt 2 vào trước Tết Nguyên đán năm sau.

a. Nông nghiệp

Các địa phương trong tỉnh tập trung gieo trồng, chăm sóc cây hằng năm vụ Hè Thu 2023. Đến nay, toàn tỉnh có 4.980 ha lúa Hè Thu trà đầu cho thu hoạch với năng suất ước đạt 60,6 tạ/ha, giảm 0,1 tạ/ha; sản lượng 30.178,8 tấn, giảm 80,15 tấn so cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, từ cuối tháng 7/2023 và đầu tháng 8/2023 người dân đã xuống giống được 80 ha lúa rẫy vụ Mùa, giảm 2,44% so cùng kỳ năm trước, do thời tiết chưa có mưa nên người dân chờ đến cuối tháng 8/2023 mới tiến hành gieo hết diện tích lúa rẫy vụ Mùa.

Diện tích một số cây hàng năm (ha)

				
Lúa	Ngô	Khoai lang	Lạc	Mía
37.687,4	2.453,9	75	299,5	7.640,8
↓ 0,43%	↓ 4,18%	↓ 3,72%	↓ 0,44%	↓ 16,17%

Tính đến ngày 15/8/2023, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước được 55.127,7 ha, bằng 81,06% KH, trong đó cây lương thực 40.141,2 ha, bằng 80,35% (lúa Đông Xuân 19.469,4 ha, bằng 96,79%; lúa Hè Thu 18.138 ha, bằng 100,93%, lúa Mùa 80 ha, bằng 1,17%); cây chất bột có củ 2.609,8 ha, bằng 90,12%; cây thực phẩm 3.164,6 ha, bằng 58,84%; cây công nghiệp hàng năm 8.125,2 ha, bằng 83,11%. So cùng kỳ năm trước, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 3,91%, trong đó cây lương thực giảm 0,66% (lúa Đông Xuân giảm 2,21%; lúa Hè Thu tăng 1,57%; lúa Mùa giảm 2,44%); cây thực phẩm giảm 2,75%; cây chất bột có củ giảm 13,44%; cây công nghiệp hàng năm giảm 15,5%.

Về chăn nuôi, tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh phát triển ổn định, số lượng đàn tại các trang trại, gia trại nuôi gà, lợn đảm bảo tốt điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học đã tiếp tục đầu tư tái đàn sau khi xuất bán. Ước tính đến cuối tháng 8/2023, tổng đàn trâu hiện có 3.849 con, giảm 1,61% so cùng kỳ năm trước, do sinh lợi thấp nên hộ nuôi giảm đàn sau xuất bán; đàn bò 63.569 con, tăng 2,19% do giá bò hơi giảm nên hộ nuôi tiếp tục giữ đàn để đợi giá lên xuất bán; đàn lợn 305,1 nghìn con, tăng 3,94% do giá lợn hơi đang tăng nên các công ty, trại chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học thực hiện tái đàn sau khi xuất bán nhằm đảm bảo nguồn cung, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân; đàn gia cầm 3.241,5 nghìn con, tăng 1,84% (trong đó, đàn gà 2.385,4 nghìn con, tăng 3,08%) do thời tiết vào mùa nắng, ít sinh bệnh nên hộ nuôi tái đàn.

Trong tháng 8/2023 trên địa bàn tỉnh đã phát sinh điểm dịch bệnh tả lợn Châu Phi tại huyện Vạn Ninh; số lợn bệnh, chết buộc tiêu hủy là 46 con lợn với khối lượng 1.597 kg. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện 01 điểm bệnh viêm da nổi cục trâu, bò tại 01 hộ nuôi bò ở huyện Vạn Ninh, làm 01 con bê bị chết; 5 điểm bệnh dịch tả lợn Châu Phi: 01 hộ chăn nuôi 43 con lợn tại TP. Nha Trang, 01 hộ chăn nuôi 55 con lợn tại huyện Khánh Sơn và 03 hộ nuôi 46 con lợn tại huyện Vạn Ninh. Cơ quan thú y, chính quyền địa phương và người chăn nuôi đã kịp thời xử lý, khống chế không để dịch bệnh lây lan và tiến hành tiêu hủy vật nuôi bị bệnh theo quy định.

b. Lâm nghiệp

Các đơn vị lâm nghiệp tập trung chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, đồng thời ươm giống cây lâm nghiệp chuẩn bị cho kế hoạch trồng rừng năm 2023 vào những tháng cuối năm. Đồng thời, chăm sóc và bảo quản cây trồng năm trước, triển khai công tác đăng ký cây giống trồng phân tán năm 2023 đến các xã, phường để đưa vào trồng trong thời gian tới. Một số diện tích rừng sau khi khai thác đã được trồng mới với diện tích 212 ha, giảm 42,7% so cùng

kỳ năm trước (Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Trầm Hương trồng mới được 27 ha). Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, diện tích rừng trồng mới ước được 431 ha, giảm 24,65% so cùng kỳ năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác tháng 8/2023 ước được 5.444,4 m³, tăng 0,15% so cùng kỳ năm trước (Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Trầm Hương khai thác ước được 1.225,7 m³); sản lượng củi được 2.110 ste, tăng 3,23%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, sản lượng gỗ khai thác ước được 53.485,4 m³, tăng 11,59% (trong đó, Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Trầm Hương khai thác được 24.225,7 m³); sản lượng củi được 27.050 ste, tăng 5,02%.

Hiện nay, thời tiết đang vào mùa khô, UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện có hiệu quả phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh. Trong tháng 8/2023, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã phát hiện 5 vụ phá rừng tại huyện Khánh Vĩnh với diện tích 1,14 ha, tăng 5 vụ so cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã phát hiện 14 vụ phá rừng, giảm 16 vụ so cùng kỳ năm trước, với diện tích bị phá là 10,01 ha và phát sinh 01 vụ cháy rừng tại xã Ninh Tây, thị xã Ninh Hòa với diện tích bị cháy là 3 ha.

c. Thủy sản

Hoạt động thủy sản đang là cao điểm mùa vụ khai thác cộng với giá thủy sản tăng nên nhiều tàu nằm bờ đã ra khơi trở lại. Cùng với đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản cũng tăng khá nhờ thời tiết và việc tiêu thụ các mặt hàng thủy sản nuôi đều khá thuận lợi nên người dân mạnh dạn thả nuôi.

Tổng sản lượng thủy sản tháng 8/2023 ước được 10.061,8 tấn, tăng 5,88% so cùng kỳ năm trước: Tôm 530,2 tấn, tăng 11,64%; cá được 8.519,3 tấn, tăng 6,28%; thủy sản khác 1.012,3 tấn, giảm 0,02%. Trong tổng sản lượng thủy sản tháng 8/2023, sản lượng thủy sản khai thác được 8.519,8 tấn, tăng 6,95% so cùng kỳ năm trước: Sản lượng thủy sản khai thác biển được 8.510,3 tấn, tăng 6,95% (7.613 tấn cá, tăng 7,46%; 120 tấn tôm, tăng 33,23%; 777,3 tấn thủy sản khác, giảm 0,65%); sản lượng thủy sản khai thác nội địa được 9,4 tấn, tăng 0,96%. Sản lượng thủy sản nuôi trồng được 1.542 tấn, tăng 0,34% so cùng kỳ năm trước: Sản lượng tôm 409 tấn, tăng 6,59%; thủy sản khác 232 tấn, tăng 2,2%; riêng cá 901 tấn, giảm 2,7%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng sản lượng thủy sản ước được 87.562,4 tấn, tăng 0,75% so cùng kỳ năm trước: Cá 73.991,6 tấn, tăng 0,43%; tôm 4.838,1 tấn, tăng 10,74%; riêng thủy sản khác 8.732,8 tấn, giảm 1,5%.

Trong tổng sản lượng thủy sản 8 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác được 74.886,8 tấn, tăng 0,13%; sản lượng thủy sản nuôi trồng 12.675,6 tấn, tăng 4,61%.

Diện tích nuôi trồng thủy sản tháng 8/2023 ước được 513 ha, tăng 2,19% so cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích nuôi cá 48 ha, tăng 4,35%; diện tích nuôi tôm 325 ha, tăng 1,56% và thủy sản khác 140 ha, tăng 2,94%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản được 3.160,5 ha, tăng 2,89% so cùng kỳ trước: Diện tích thả nuôi cá được 400,7 ha, tăng 5,51%; tôm nước lợ được 2.037,8 ha, tăng 2,3% và thủy sản khác 722 ha, tăng 3,13%.

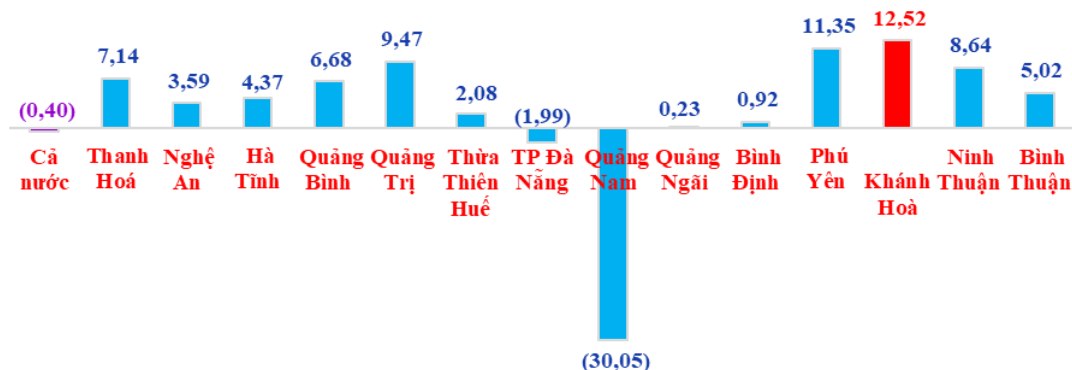
2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 8/2023, Nhà máy nhiệt điện BOT Vân phong 1 đã vận hành thêm tổ máy 2 làm cho chỉ số IIP ngành sản xuất và phân phối điện tăng trưởng cao, gấp 4,23 lần so cùng kỳ năm trước, góp phần duy trì mức tăng trưởng của sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tăng 7,6% so với tháng trước và 32,76% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 12,52% so cùng kỳ năm trước.

a. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 ước tăng 7,6% so tháng trước và tăng 32,76% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 7,56% và gấp 4,23 lần; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,67% và tăng 5,64%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,9% và giảm 0,88%; ngành công nghiệp khai khoáng giảm 10,04% và tăng 1,7%.

IIP 8 tháng đầu năm 2023 của cả nước, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung (%)



Tính chung 8 tháng đầu năm 2023 chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh tăng 12,52% so cùng kỳ năm trước: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí gấp 2,25 lần; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,35%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,23% do chịu tác động một số nhóm ngành giảm sâu là sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;... nên đạt mức tăng thấp; ngành khai khoáng giảm 16,93%.

Trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy gấp 2 lần; sản xuất thuốc lá tăng 19,43%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 17,21%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 14,66%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 6,93%; sản xuất dệt tăng 4,01%. Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm như: Sản xuất đồ uống giảm 0,35% (trong đó sản xuất nước yến giảm 1,54% do tiêu thụ chậm, cộng với Công ty cổ phần nước giải khát yến sào Khánh Hòa hiện đang sửa chữa nhà máy nên sản xuất giảm); sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 8,98%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 10,38%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 10,46%; in, sao chép bản ghi các loại giảm 12,93%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 15,02% (trong đó chế biến thủy sản giảm 22,69% do các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc ký hợp đồng, cộng với thị trường xuất khẩu ngày càng tăng về các tiêu chuẩn); sản xuất trang phục giảm 27,76%.

b. Sản phẩm chủ yếu ngành công nghiệp



Một số sản phẩm ngành công nghiệp tính chung 8 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng gấp 3,89 lần; đường RE gấp 2,65 lần; thuốc lá đầu lọc tăng 19,43%; tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp) tăng 14,51%; điện thương phẩm tăng 13,53%; bia đóng lon tăng 8,14%; sợi tự nhiên tăng 4,01%. Một số sản phẩm giảm như: nước yến và nước bổ dưỡng khác giảm 1,54%; đường RS giảm 7,99%; bia đóng chai giảm 10,76%; tôm đông lạnh giảm 12,38%; bàn bằng gỗ các loại giảm 12,98%; đá xây dựng giảm 18,65%; cá khác đông lạnh giảm 20,43%; bộ quần áo thể thao giảm 26,68%; cá ngừ đông lạnh giảm 34,8%.

c. Chỉ số sử dụng lao động công nghiệp

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 8/2023 tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 2,31% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 2,47% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 10,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,11%; riêng doanh nghiệp Nhà nước giảm 10,39%. Trong tổng chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp: Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,65%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 1,34%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải tăng 1,39%; ngành khai khoáng giảm 2,06%.

3. Tình hình hoạt động doanh nghiệp¹

Tính từ ngày 01/8/2023 đến 15/8/2023, toàn tỉnh có 83 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 480,35 tỷ đồng, giảm 14,43% về số doanh nghiệp và giảm 3,52% về vốn đăng ký so cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm trên, toàn tỉnh có 24 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 20% so cùng kỳ năm trước; 52 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng 36,84% so cùng kỳ năm trước; 7 doanh nghiệp đã giải thể giảm 58,82%.

Tính từ ngày 01/01/2023 đến 15/8/2023, toàn tỉnh có 1.269 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 8,57% so cùng kỳ năm trước với tổng số vốn đăng ký là 7.429,8 tỷ đồng, giảm 50,62%. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới tính đến nay đạt 5,85 tỷ đồng, giảm 45,99% so cùng kỳ năm trước. Tính đến 15/8/2023, toàn tỉnh có 620 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 35,82% so cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 1.889 doanh nghiệp

¹ Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(cùng kỳ năm trước là 2.354 doanh nghiệp); 1.381 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 2,98%; 190 doanh nghiệp đã giải thể giảm 16,3%.

4. Đầu tư, xây dựng

UBND tỉnh Khánh Hòa rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu thuộc Chương trình phát triển đô thị tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm phù hợp với định hướng của Trung ương. Để hoàn thành các mục tiêu đề ra, UBND tỉnh sẽ cụ thể hóa các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực phát triển đô thị, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà ở xã hội, xây dựng công trình phúc lợi, nhà ở phục vụ người lao động làm việc ở các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Ngoài ra, tỉnh sẽ đẩy mạnh kêu gọi đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục theo hướng xã hội hóa; thực hiện đồng bộ chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của đô thị.

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh tháng 8/2023 ước được 447 tỷ đồng tăng 4,4% so tháng trước và tăng 10,32% so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 274,5 tỷ đồng, tăng 5,8% và tăng 23,79%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 130 tỷ đồng, tăng 5,26% và giảm 4,77%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã 42,5 tỷ đồng, giảm 5,94% và giảm 9,41%. Trong tháng có 25 công trình khởi công mới và 27 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư trên 121,2 tỷ đồng.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý được 2.325,8 tỷ đồng bằng 40% kế hoạch và tăng 7,08% so cùng kỳ năm trước: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 1.392,9 tỷ đồng, bằng 31,13% KH và tăng 12,16%; vốn ngân sách huyện 711,8 tỷ đồng, bằng 70,57% KH và tăng 1,82%; vốn ngân sách xã 221,1 tỷ đồng, bằng 66,75% KH và giảm 4,28%, với 117 công trình khởi công mới và 104 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư trên 534,6 tỷ đồng.

Một số công trình có tiến độ thi công với vốn thực hiện khá là: đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa, cải tạo đường Lý Thánh Tôn - Phan Chu Trinh, vỉa hè đường Lê Hồng Phong, vỉa hè đường 2/4 và Trần Quý Cáp, vỉa hè phía Đông đường Trần Phú, vỉa hè đường Phước Long, CSHT khu TĐC Ngọc Hiệp, cầu qua sông Kim Bông, đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang, hồ chứa nước Đắc Lộc, kè bờ biển phường Vĩnh Nguyên, kè chống sạt lở suối Lương Hòa, cầu Ngọc Thảo, HT công thu gom nước thải khu Đường Đệ, công viên khu TĐC Hòn Chông (Nha Trang); đường liên thôn Sông Cạn Trung – Sông Cạn Đông

(Cam Ranh); đường KDC thôn Suối Lau 3, đường dọc số 1 khu TĐC 3/2, đường khu TĐC Láng Chai (phía Nam), đường giao thông xã Sơn Tân (Cam Lâm); trụ sở BQLDA các CTXD huyện, đường Trần Đường, đường Lê Lợi, đường Hà Huy Tập, đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, kè hạ lưu sông Hiền Lương, kè bờ biển TT Vạn Giã (gđ 2), kè bờ sông Tô Giang, đập dâng Lò Voi, cầu Vong 2, cầu huyện 2, bến tổng hợp Vạn Giã (Vạn Ninh); quảng trường 2/4, bệnh viện đa khoa khu vực Ninh Hòa, khu TĐC đường Minh Mạng, khu TĐC đường Trần Quý Cáp, đường cơ động và bến cập tàu xã đảo Ninh Vân, đường Minh Mạng; đê kè chống xói lở sông Lạch Cầu treo, (Ninh Hòa); đường từ cầu Yangbay đến khu sản xuất Suối Lùn, đường K25, đường vào khu sản xuất Gia Lê, đường vào khu sản xuất cầu treo thôn 6, đường rẽ nhánh Khánh Lê – Lâm Đồng, đường vào khu sản xuất thôn Ba Dùi, đường vào khu sản xuất thôn Bến Khé, chợ huyện (Khánh Vĩnh); kè và đường dọc sông nhánh nối sông Cái và sông Đồng Đen (gđ 2), đường gom QL27C, hương lộ 5, đường D1, hạ tầng khu TĐC xã Diên Lạc, khu TĐC xã Bình Lộc, tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú (Diên Khánh); nhà thiếu nhi huyện, trung tâm VH TT xã Sơn Hiệp, đường liên xã Ba Cùm Bắc đi Sơn Trung, cầu Sơn Trung, kè chống sạt lở sông Tô Hạp, đường thôn Tha Mang, đường thôn Dốc Gạo đi thôn Xóm Cỏ, đường TT Tô Hạp đi thôn Hòn Dung, đường liên xã Sơn Bình – Sơn Trung, kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1 (Khánh Sơn)...

Về thực hiện và giải ngân đầu tư công, đến hết tháng 7/2023, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 đạt 32,4% so với kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao; đạt 41,9% so với kế hoạch vốn được UBND tỉnh Khánh Hòa giao.

Ngày 08/8/2023, tỉnh Khánh Hòa tổ chức Lễ động thổ xây dựng Nhà máy nước Sơn Thanh, tổng vốn đầu tư 400 tỷ đồng với mục tiêu đáp ứng nhu cầu nước sạch đạt tiêu chuẩn nước uống, sinh hoạt, dịch vụ thương mại và sản xuất công nghiệp trong khu vực thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Khánh Vĩnh và một phần huyện Cam Lâm. Nhà máy sẽ xây lắp hai tuyến ống cấp nước gồm: Tuyến ống số 01 có chiều dài 10,5 km, cấp nước về phía huyện Diên Khánh và thành phố Nha Trang; tuyến ống số 02 có chiều dài 6,7 km, cấp nước về phía huyện Khánh Vĩnh. Dự kiến khoảng quý II/2024, Nhà máy sẽ vận hành với công suất khoảng 25 nghìn m³/ ngày đêm; sau năm 2025 công suất đạt 50 nghìn m³/ ngày đêm; đến năm 2023 đạt công suất 100 nghìn m³/ ngày đêm.

5. Thương mại, du lịch, giá cả

Tháng 8/2023, tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức nhiều sự kiện văn hóa lớn nhằm quảng bá hình ảnh Nha Trang - Khánh Hòa. Chương trình chính luận

nghệ thuật “Mạnh giàu từ biển quê hương”, với các chủ đề: Tâm thức biển; Việt Nam hướng tới giàu từ biển; Việt Nam hướng tới mạnh về biển. Qua đó, làm nổi bật những kết quả, thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế biển sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36; định hướng phát triển kinh tế xanh bền vững trên biển, dịch chuyển năng lượng xanh; khát vọng làm chủ vùng biển, mạnh trên biển và quan điểm nhất quán của Đảng là thực hiện song song hai nhiệm vụ vừa phát triển bền vững kinh tế biển, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Cùng với đó, sự kiện thể thao Giải VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2023 với hơn 11.000 vận động viên chuyên nghiệp đã để lại nhiều ấn tượng đẹp, thu hút du khách đến với thành phố biển.

a. Tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 8/2023 ước được 16.407,4 tỷ đồng, tăng 0,49% so với tháng trước và tăng 17,96% so cùng kỳ năm trước, trong đó tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 10.561,4 tỷ đồng, giảm 0,05% và tăng 24,71% cụ thể: Ngành thương mại được 5.829,2 tỷ đồng, tăng 3,87% và tăng 11,23%; ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống 2.921,5 tỷ đồng, giảm 0,49% và tăng 56,67% (doanh thu lưu trú 735,5 tỷ đồng, giảm 6,35% và tăng 45,63%; doanh thu dịch vụ ăn uống 2.186 tỷ đồng, tăng 1,65% và tăng 60,77%); ngành du lịch lữ hành 457,5 tỷ đồng, giảm 9,37% và gấp 2,45 lần; ngành dịch vụ khác 1.353,2 tỷ đồng, giảm 10,63% và tăng 15,05%.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Tỷ đồng			
	Ước tính tháng 8 năm 2023	Ước tính 8 tháng năm 2023	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước (%)	
			Tháng 8 năm 2023	8 tháng năm 2023
Tổng số	10.561,4	75.412,5	24,71	19,57
- Ngành Thương mại	5.829,2	45.405,6	11,23	9,60
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	2.921,5	17.896,9	56,67	51,55
- Ngành Dịch vụ lữ hành	457,5	2.217,5	144,59	133,80
- Ngành Dịch vụ khác	1.353,2	9.892,6	15,05	11,34

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ước được 122.108,2 tỷ đồng, tăng 17,65% so cùng kỳ năm trước; trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng được 75.412,5 tỷ đồng, tăng 19,57%, cụ thể:

Ngành thương mại ước được 45.405,6 tỷ đồng, tăng 9,6%. Trong đó, nhóm hàng hóa khác tăng 29,44%; nhóm lương thực, thực phẩm tăng 15,26% do nhu cầu mua sắm, chi tiêu dùng trong dân cũng như của khách du lịch tăng cao; nhóm ô tô tăng 11,6% do nhu cầu tăng, đồng thời việc áp dụng chính sách giảm thuế trước bạ 50% làm cho lượng khách đặt xe tăng cao.

Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống ước được 17.896,9 tỷ đồng, tăng 51,55% do sự phục hồi của du lịch tỉnh (doanh thu dịch vụ lưu trú 4.340 tỷ đồng, tăng 66,88%; doanh thu ngành dịch vụ ăn uống 13.556,9 tỷ đồng, tăng 47,22%).

Ngành du lịch lữ hành ước được 2.217,5 tỷ đồng, gấp 2,34 lần do các đơn vị dịch vụ lữ hành quốc tế hoạt động mạnh trở lại, các đường bay thẳng và các chuyến bay quốc tế đã được khôi phục.

Ngành dịch vụ khác ước được 9.892,6 tỷ đồng, tăng 11,34%, trong đó: Ngành dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 455,2 tỷ đồng, tăng 20,02%; ngành dịch vụ giáo dục và đào tạo 284,0 tỷ đồng, tăng 16,79%; ngành hoạt động nghệ thuật, vui chơi và giải trí 2.581,7 tỷ đồng, tăng 79,39% và ngành dịch vụ khác 847,3 tỷ đồng, tăng 24,83%. Ở chiều ngược lại, ngành dịch vụ kinh doanh bất động sản ước đạt 5.081,5 tỷ đồng, giảm 7,29% do nhu cầu giảm mạnh, với lượng giao dịch mua bán giảm sâu; ngành dịch vụ y tế và hoạt động trợ giúp xã hội được 643,0 tỷ đồng, giảm 3,18%.

Trong tháng 8/2023, Cục quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra được 39 cơ sở sản xuất kinh doanh, đã phát hiện 27 vụ vi phạm, xử lý hành chính 30 vụ vi phạm (3 vụ tháng trước chuyển sang), thu nộp ngân sách 552,57 triệu đồng, đồng thời thu giữ một số hàng hóa vi phạm để xử lý.

b. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng 8/2023 ước được 194,3 triệu USD, tăng 0,7% so tháng trước và giảm 30,45% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng ước được 1.746 triệu USD, giảm 22,72% so cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 9,99%; nhập khẩu giảm 34%.

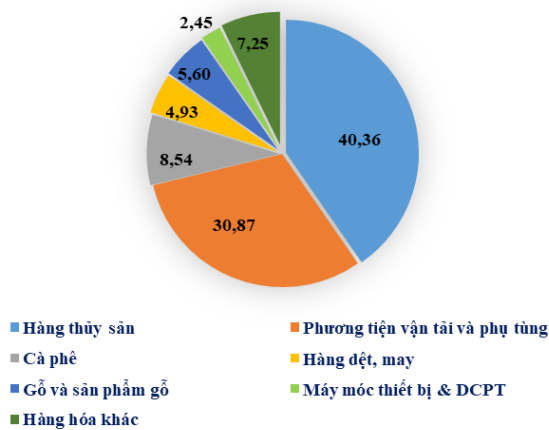
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2023 ước được 88,9 triệu USD, tăng 6,25% so tháng trước và giảm 31,64% so cùng kỳ năm trước, cụ thể: Kinh tế nhà nước 4,7 triệu USD, giảm 2,26% và giảm 5,34%; kinh tế tư nhân 68,6

triệu USD, tăng 4,72% và giảm 3,08%; kinh tế tập thể 130 nghìn USD, tăng 14,14% và gấp 2,93 lần; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được 15,5 triệu USD, tăng 16,8% và giảm 71,45%.

Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 8/2023 như: 58,5 triệu USD hàng thủy sản, tăng 3,58% so tháng trước; 4 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, tăng 4,66%; 6,4 triệu USD hàng hóa khác, tăng 35,17%; 8 triệu USD gỗ và sản phẩm gỗ, tăng 37,15%; 3,5 triệu USD hàng dệt may, giảm 5,96%; 5,2 triệu USD cà phê, giảm 19,45%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước được 955,2 triệu USD, giảm 9,99% so cùng kỳ năm trước: Khu vực trong nước được 532,3 triệu USD, chiếm 55,73% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và giảm 18,98% (trong đó kinh tế nhà nước được 39,9 triệu USD, tăng 23,79%; kinh tế tập thể 1,1 triệu USD, giảm 28,38%; kinh tế tư nhân 491,3 triệu USD, giảm 21,16%); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được 422,9 triệu USD, chiếm 44,27% và tăng 4,62%.

Cơ cấu xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2023 phân theo một số mặt hàng chủ yếu (%)



Một số mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2023 tăng so cùng kỳ năm trước như: 3,2 triệu USD sản phẩm mây, tre, cói và thảm, tăng 5,74%; 39,4 triệu USD gỗ, tăng 14,71%; 294,9 triệu USD phương tiện vận tải và phụ tùng, tăng 20,6%; 23,4 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, tăng 24,5%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng chủ yếu có kim ngạch xuất khẩu giảm như: 81,6 triệu USD cà phê, giảm 3,7%; 57,8 triệu USD hàng hóa khác,

giảm 8,28%; 385,5 triệu USD hàng thủy sản, giảm 25,94%; 47,1 triệu USD hàng dệt may, giảm 28,85%; 14,1 triệu USD sản phẩm gỗ, giảm 37,46%.

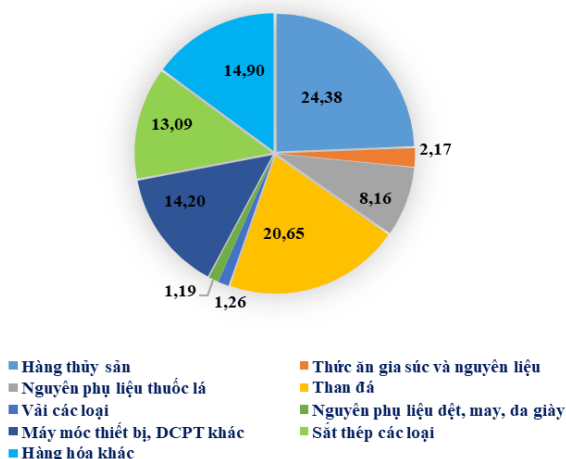
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2023 ước được 105,4 triệu USD, giảm 3,56% so tháng trước và giảm 29,4% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước được 10,5 triệu USD, giảm 19,54% và tăng 23,04%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được 62,5 triệu USD, giảm 4,39% và giảm 42,75%; kinh tế tư nhân được 32,4 triệu USD, tăng 4,98% và tăng 2,58%.

Giá trị nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu tháng 8/2023 như: 27,2 triệu USD than đá, tăng 0,42% so tháng trước; 27,5 triệu USD hàng thủy sản, tăng

4,28%; 1,5 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, tăng 7,65%; 1,5 triệu USD vải các loại, tăng 23,51%; 3,2 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, tăng 31,33%; 12,5 triệu USD sắt thép các loại, giảm 10,67%; 8,3 triệu USD hàng hóa khác, giảm 15,92%; 9,5 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giảm 17,5%; 10 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, giảm 20,39%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước được 790,9 triệu USD, giảm 34% so cùng kỳ năm trước: Khu vực kinh tế trong nước 305,5 triệu USD, chiếm 38,62% kim ngạch nhập khẩu toàn tỉnh và giảm 5,33% (trong đó kinh tế nhà nước 67,8 triệu USD, tăng 30,16%; kinh tế tư nhân 237,7 triệu USD, giảm 12,16%); khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 485,4 triệu USD, chiếm 61,38% và giảm 44,57%.

**Cơ cấu nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2023
phân theo một số mặt hàng chủ yếu (%)**



Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu 8 tháng đầu năm 2023 như: 97,4 triệu USD hàng hóa khác, giảm 7,09% so cùng kỳ năm trước; 192,8 triệu USD hàng thủy sản, giảm 9,87%; 9,4 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, giảm 17,62%; 9,9 triệu USD vải các loại, giảm 43,93%; 112,3 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, giảm 83,08%; 4,9 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm, tăng 2,08%; 103,6 triệu USD sắt thép các loại, tăng 2,17%;

17,1 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, tăng 4,8%; 64,5 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, tăng 40,86%; 163,3 triệu USD than đá.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 8/2023 nhập siêu được 16,5 triệu USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, xuất siêu được 164,3 triệu USD, bằng 17,2% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Trong tổng xuất siêu 8 tháng đầu năm 2023, khu vực kinh tế trong nước xuất siêu 226,8 triệu USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập siêu 62,5 triệu USD.

b. Du lịch²

Tiếp nối chuỗi sự kiện du lịch hè, Giải VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2023 được tổ chức vào giữa tháng 08/2023 với hơn 11.000 vận động viên đã vượt qua khuôn khổ sự kiện thể thao, để lại nhiều ấn tượng đẹp trong lòng người dân và du khách, là một sự kiện để quảng bá hình ảnh du lịch của

² Theo báo cáo của Sở Du lịch.

Nha Trang - Khánh Hòa, thu hút lượng lớn khách du lịch đến với thành phố biển. Bên cạnh đó, thị trường khách du lịch quốc tế tiếp tục phục hồi. Tần suất các chuyến bay từ các thị trường quốc tế đến Khánh Hòa được duy trì và tăng trưởng; trong đó, Hàn Quốc tiếp tục là thị trường khách quốc tế hàng đầu của Khánh Hòa.



Các chỉ tiêu du lịch tiếp tục tăng trưởng khá so cùng kỳ, doanh thu du lịch tháng 8/2023 ước được 4.869,5 tỷ đồng, giảm 15,95% so tháng trước và gấp 2,62 lần so cùng kỳ năm trước; với 1.000 nghìn lượt khách, giảm 20% và gấp 2,6 lần (trong đó 245,1 nghìn lượt khách quốc tế tăng 0,02% và gấp 6,24 lần); 2.690,2 nghìn ngày khách, giảm 16,97% và gấp 3,01 lần (trong đó 1.029,4 nghìn ngày khách quốc tế, tăng 0,02% và gấp 6,2 lần). Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, doanh thu hoạt động du lịch được 23.909,7 tỷ đồng, gấp 2,52 lần so cùng kỳ năm trước; khách lưu trú được 5 triệu lượt người với 13.434,8 nghìn ngày khách, lần lượt gấp 2,72 lần và gấp 3,09 lần (trong đó 1.240,8 nghìn lượt khách quốc tế với 5.275,1 nghìn ngày khách quốc tế, lần lượt gấp 10,74 lần và gấp 10,49 lần).

d. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá gas trong nước được điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới; giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống và giá nhóm giáo dục tăng do nhu cầu tăng cao; đồng thời, giá xăng, dầu được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng đã tác động đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2023 tăng 1,22% so với tháng trước; tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; tăng 0,9% so với tháng 12/2022.

CPI bình quân 8 tháng đầu năm 2023 tăng 3,47% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó: CPI khu vực thành thị tăng 3,71%; khu vực nông thôn tăng 3,19%.

Tốc độ tăng/giảm CPI của tháng 8 và bình quân 8 tháng các năm giai đoạn 2019-2023 (%)



CPI tháng 8/2023 tăng 1,22% so tháng trước: CPI khu vực thành thị tăng 1,28%; khu vực nông thôn tăng 1,15%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 9 nhóm hàng có chỉ số giá tăng và 02 nhóm hàng có chỉ số giá ổn định, cụ thể:

Chín nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng là:

- *Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống* tăng 0,73%, trong đó: Lương thực tăng cao 6,9%, ở mặt hàng ngô, sắn, gạo, bún, bánh phở, khoai lang,... tăng từ 1,14% - 15,3% và đặc biệt giá gạo tăng 8,29% do nhu cầu xuất khẩu tăng; thực phẩm tăng 0,12% do nhu cầu tiêu dùng tăng; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,01%.

- *Nhóm đồ uống và thuốc lá* tăng 0,09% ở mặt hàng đồ uống không cồn như nước tăng lực, nước giải khát có gas, nước khoáng,... tăng từ 0,21 - 0,78%.

- *Nhóm may mặc, giày dép và mũ nón* tăng 0,09%, ở nhóm giày, dép tăng 0,44% do nhu cầu chuẩn bị cho năm học mới 2023-2024.

- *Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng* tăng 2,17%, nguyên nhân tăng chủ yếu ở các nhóm nhà ở tăng 3,02% do nhu cầu thuê nhà tăng; nhóm dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,5% do chi phí nhân công tăng; nhóm chỉ số giá gas và các loại chất đốt tăng 5% do giá dầu hỏa được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng 03 lần với mức tăng chung là 3.180 đ/lít, đồng thời giá gas trong nước cũng được điều chỉnh tăng 26.000 đ/bình (loại 12 kg).

- *Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình* tăng 0,23%, ở các mặt hàng thiết bị, đồ dùng trong nhà, đồ dùng nấu ăn,... tăng từ 0,15% - 0,72%.

- *Nhóm giao thông* tăng cao với 4,95%, do giá xăng được liên Bộ Tài chính - Công thương điều chỉnh tăng 03 lần với mức tăng chung của giá xăng A95 là 1.850 đ/lít, giá xăng E5 là 1.730 đ/lít; giá dầu diesel 0,05%S điều chỉnh tăng 02

lần và giảm 01 lần với mức tăng chung của giá dầu diezen 0,05%S là 2.900 đ/lít; nhóm dịch vụ giao thông công cộng tăng 2,9%, ở chỉ số giá vận tải hành khách bằng đường sắt và đường hàng không tăng từ 3,58% - 15,71% do nhu cầu đi lại tăng cao.

- Nhóm giáo dục tăng 0,42%, ở nhóm văn phòng phẩm như bút viết các loại, sản phẩm từ giấy, văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác, sách giáo khoa,... tăng từ 1,93% - 5,68% do chuẩn bị bước vào năm học mới 2023-2024.

- *Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch* tăng 0,22%, chủ yếu ở nhóm hoa cây cảnh, vật cảnh tăng 0,03% và nhóm khách sạn, nhà khách tăng 1,94%.

- *Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác* tăng 0,32%, tăng ở nhóm hàng hóa dịch vụ cá nhân, hiếu hi,... tăng từ 0,3% - 0,81%; nhóm mặt hàng đồ trang sức tăng 0,21% do ảnh hưởng từ giá vàng tăng.

Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định như: Nhóm thuốc và dụng cụ y tế; nhóm bưu chính viễn thông có chỉ số giá ổn định.

Chỉ số giá vàng tháng 8/2023 tăng 0,36% so tháng trước; tăng 0,25% so tháng 12/2022 và tăng 0,47% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá vàng tăng 0,28% so bình quân cùng kỳ năm trước. Bình quân giá vàng trong tháng 8/2023 dao động ở mức 6.738.000 đ/chỉ vàng SJC.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2023 tăng 0,53% so tháng trước; giảm 2,92% so tháng 12/2022 và giảm 1,54% so cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,4% so bình quân cùng kỳ năm trước. Giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường dao động quanh mức 23.808 VND/USD.

6. Vận tải

Các sự kiện được diễn ra liên tục trong tháng như Mạnh giàu từ biển quê hương, Giải VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2023... đã góp phần đưa doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 8 tháng đầu năm 2023 tăng 16,53% so cùng kỳ năm trước; vận chuyển hành khách tăng 23,69%; vận chuyển hàng hóa tăng 12,78%.

a. Doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ hỗ trợ

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 8/2023 ước được 863,1 tỷ đồng, tăng 2,65% so với tháng trước và tăng 26,88% so cùng kỳ năm trước: Vận tải hành khách được 184 tỷ đồng, giảm 2,27% và tăng 23,15%; vận tải hàng hóa 332,3 tỷ đồng, tăng 1,18% và tăng 16,09%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 346,8 tỷ đồng, tăng 7% và tăng 41,77%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước được 5.885,1 tỷ đồng, tăng 16,53% so cùng kỳ năm trước,

trong đó: Vận tải đường bộ 3.141 tỷ đồng, tăng 22,44%; vận tải đường biển 236,9 tỷ đồng, tăng 2,39%; vận tải đường sắt 142,6 tỷ đồng, tăng 21,22%; vận tải đường hàng không của hãng Vietnam Airlines 116,2 tỷ đồng, giảm 14,82%. Trong tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 8 tháng đầu năm 2023: Vận tải hành khách được 1.217 tỷ đồng, tăng 30,98%; vận tải hàng hóa được 2.419,8 tỷ đồng, tăng 14,05%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 2.248,3 tỷ đồng, tăng 12,45%.

b. Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách tháng 8/2023 ước được 3.714,1 nghìn lượt khách vận chuyển; giảm 3,23% so với tháng trước và tăng 16,07% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển được 192.260,3 nghìn lượt khách.km, giảm 5,03% và tăng 15,76%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, vận tải hành khách ước được 24.009,4 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 23,69% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 21.990,4 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 18,98%; đường biển được 1.785,1 nghìn lượt khách vận chuyển, gấp 2,48 lần và đường sắt được 233,9 nghìn lượt khách vận chuyển, tăng 11,67%); luân chuyển 1.269.802,6 nghìn lượt khách.km, tăng 24,27% (đường bộ 1.145.426,7 nghìn lượt khách.km tăng 24,23%; đường biển 15.206,6 nghìn lượt khách.km, gấp 2,47 lần và đường sắt 109.169,3 nghìn lượt khách.km tăng 16,56%).

Vận tải hành khách 8 tháng đầu năm 2023 phân theo ngành vận tải

	Số lượt khách		Tốc độ tăng so cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (nghìn HK)	Luân chuyển (Nghìn HK.Km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	24.009,4	1.269.802,6	23,69	24,27
- Đường bộ	21.990,4	1.145.426,7	18,98	24,23
- Đường biển	1.785,1	15.206,6	148,38	146,80
- Đường sắt	233,9	109.169,3	11,67	16,56

Vận tải hàng hóa tháng 8/2023 ước được 3.703 nghìn tấn, tăng 2,2% so tháng trước và tăng 17,31% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển 352.034,4 nghìn tấn.km, giảm 1,18% và giảm 0,32%. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, vận tải hàng hóa ước được 27.204 nghìn tấn, tăng 12,78% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 26.859,1 nghìn tấn, tăng 13,49%; đường biển được 271,2 nghìn tấn,

giảm 29,69% và đường sắt được 73,7 nghìn tấn, tăng 8,5%); luân chuyển hàng hóa 2.679.593,2 nghìn tấn.km, tăng 1,94% (đường bộ 2.200.517,7 nghìn tấn.km, tăng 14,38%; đường biển 434.084 nghìn tấn.km, giảm 33,5% và đường sắt 44.991,5 nghìn tấn.km, giảm 13,41%).

Vận tải hàng hóa 8 tháng đầu năm 2023
phân theo ngành vận tải

	Sản lượng hàng hóa		Tốc độ tăng/giảm so cùng kỳ năm trước (%)	
	Vận chuyển (Nghìn HK)	Luân chuyển (Nghìn HK.Km)	Vận chuyển	Luân chuyển
Tổng số	27.204,0	2.679.593,2	12,78	1,94
- Đường bộ	26.859,1	2.200.517,7	13,49	14,38
- Đường biển	271,2	434.084,0	-29,69	-33,50
- Đường sắt	73,7	44.991,5	8,50	-13,41

7. Tài chính, ngân hàng

a. Tài chính³

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tháng 8/2023 ước được 1.306,7 tỷ đồng: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 244 tỷ đồng và thu từ nội địa 1.062,7 tỷ đồng.

Tám tháng đầu năm 2023, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước được 10.356 tỷ đồng, bằng 67,05% dự toán và giảm 8,33% so cùng kỳ năm trước: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.520 tỷ đồng, bằng 76,57% và giảm 40,74%; thu nội địa 8.836 tỷ đồng, bằng 65,65% và tăng 1,19%.

Trong tổng thu nội địa 8 tháng đầu năm 2023, có 11 khoản thu tăng; 7 khoản thu giảm và 01 khoản thu ổn định so cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Mười một khoản thu tăng: Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước 5,5 tỷ đồng, gấp 196,5 lần; thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 225 tỷ đồng, tăng 84,39%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 45 tỷ đồng, tăng 62,93%; thu phí và lệ phí 208 tỷ đồng, tăng 29,63%; thu khác ngân sách 269 tỷ đồng, tăng 21,31%; thu xổ số kiến thiết 209 tỷ đồng, tăng 19,96%; thu ngoài quốc doanh 2.370 tỷ đồng, tăng 17,14%; thu tiền sử dụng đất 500 tỷ đồng, tăng 9,26%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 2.304 tỷ đồng, tăng 7,8%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 292 tỷ đồng, tăng 3,06%; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 140 tỷ đồng, tăng 2,55%.

³ Theo báo cáo của Sở Tài chính về tình hình thực hiện ngân sách Nhà nước.

Bảy khoản thu giảm: Thu tiền sử dụng khu vực biển 17 triệu đồng, giảm 98,84%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 8 tỷ đồng, giảm 44,98%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản 7 tỷ đồng, giảm 43,72%; thu lệ phí trước bạ 297,5 tỷ đồng, giảm 37,95%; thu thuế bảo vệ môi trường 380 tỷ đồng, giảm 34,09%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 507 tỷ đồng, giảm 24,28%; thu thuế thu nhập cá nhân 1.069 tỷ đồng, giảm 13,36%.

Một khoản thu ổn định là thuế sử dụng đất nông nghiệp 2 triệu đồng.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương tháng 8/2023 ước được 1.709,4 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 973,7 tỷ đồng; chi thường xuyên 735,6 tỷ đồng. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương ước được 7.765 tỷ đồng, bằng 52,14% dự toán và tăng 10,93% so cùng kỳ năm trước, trong đó chi đầu tư phát triển được 3.337,9 tỷ đồng, bằng 50,74% và tăng 22,38% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 1.325 tỷ đồng, bằng 52,74% và tăng 60,55%); chi thường xuyên 4.408,3 tỷ đồng, bằng 54,66% và tăng 3,24% với các khoản chi: Chi sự nghiệp kinh tế 481 tỷ đồng, bằng 31,54% và giảm 2,42%; chi sự nghiệp văn xã 2.761,1 tỷ đồng, bằng 58,89% và tăng 1,24%; chi quản lý hành chính 904 tỷ đồng, bằng 66,3% và tăng 15,27%; chi quốc phòng, an ninh 226,2 tỷ đồng, bằng 77,98% và tăng 16,56%; chi khác ngân sách 36 tỷ đồng, bằng 18,2% và giảm 49,65%.

b. Ngân hàng⁴

Các chi nhánh TCTD tăng cường thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, tập trung tín dụng vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN; tiếp tục triển khai tích cực, hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng hỗ trợ phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Lãi suất huy động VND của khối Ngân hàng Thương mại Nhà nước kỳ hạn dưới 01 tháng phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm; lãi suất kỳ hạn 01 tháng đến dưới 6 tháng là 3,1%-4,1%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 4,7%-5%/năm và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 5,2-6,3%/năm. Đối với khối Ngân hàng Thương mại Cổ phần, lãi suất kỳ hạn dưới 01 tháng hiện phổ biến ở mức 0,2%-0,5%/năm; lãi suất kỳ hạn 01 tháng đến dưới 6 tháng là 4,3%- 4,75%/năm, kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 6,5%-6,9%/năm và kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 7%-7,4%/năm.

⁴ Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Khánh Hòa.

Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND dành cho các đối tượng ưu tiên là 4%/năm. Khối Ngân hàng Thương mại Nhà nước cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 8,3%-9,4%/năm đối với ngắn hạn và 9,7%-10,5%/năm đối với trung và dài hạn; khối Ngân hàng Thương mại cổ phần cho vay lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác ở mức 10,5%-11,5%/năm đối với ngắn hạn và 12%-13%/năm đối với trung và dài hạn; lãi suất cho vay USD ở mức 4%-5,6%/năm đối với ngắn hạn và 6,6%-7%/năm đối với trung và dài hạn.

Huy động vốn toàn tỉnh ước đến cuối tháng 8/2023 ước đạt 116.110 tỷ đồng, tăng 0,18% so với đầu tháng, tăng 6,22% so với đầu năm và tăng 4,58% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Huy động bằng đồng Việt Nam 113.620 tỷ đồng, tăng 0,15%, tăng 6,32% và tăng 5,48%; huy động bằng ngoại tệ 2.490 tỷ đồng, tăng 1,55%, tăng 1,92% và giảm 24,82%.

Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đến cuối tháng 8/2023 ước đạt 119.390 tỷ đồng, tăng 0,31% so với đầu tháng, tăng 4,3% so với đầu năm và tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Dư nợ bằng đồng Việt Nam 110.550 tỷ đồng, tăng 0,26%, tăng 2,39% và tăng 6,28%; Dư nợ bằng ngoại tệ 8.840 tỷ đồng, tăng 0,94%, tăng 36,04% và tăng 25,85%.

Doanh số cho vay 8 tháng đầu năm 2023 ước đạt 110.869 tỷ đồng, tăng 5,16% so cùng kỳ năm trước.

8. Một số tình hình xã hội

a. Giáo dục

Các trường THPT trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023, kết quả tốt nghiệp của tỉnh Khánh Hòa sau phúc khảo đạt 97,87% (tăng 0,56% so với năm trước). Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai các hoạt động hè năm 2023; tổ chức và kiểm tra các lớp tăng cường Tiếng Việt trong hè cho trẻ mầm non và chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức các lớp bồi dưỡng chính trị hè 2023 cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên các đơn vị, cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học theo kế hoạch. Đồng thời, triển khai các hoạt động chuẩn bị cho năm học mới 2023 - 2024 theo kế hoạch, cụ thể: Công văn số 2308/SGDĐT-VP ngày 08/8/2023 về việc đồng phục học sinh và các khoản thu năm học 2023 - 2024; công văn số 2398/SGDĐT-VP ngày 15/8/2023 về việc tựu trường và khai giảng năm học mới 2023 - 2024.

b. Y tế

Ngành Y tế tiếp tục theo dõi, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh tại các địa phương. Chỉ đạo các đơn vị giám sát phòng, chống dịch COVID-19; đảm bảo an toàn tiêm chủng khi sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho các nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác phòng, chống bệnh sốt xuất huyết, xử lý triệt để các ổ dịch ngay khi phát hiện, không để dịch bùng phát, lan rộng, kéo dài. Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Tay - Chân - Miệng, giám sát, báo cáo kịp thời số liệu ca bệnh, ổ dịch... Ước tháng 8/2023, toàn tỉnh ghi nhận 190 ca sốt xuất huyết, giảm 69 ca so với tháng trước và giảm 307 ca so cùng kỳ năm trước; 955 ca bệnh Tay - Chân - Miệng, giảm 353 ca và tăng 852 ca; các bệnh viêm gan vi rút các loại, viêm não Nhật Bản, viêm não vi rút, uốn ván không có ca mắc mới... Đã khám chữa bệnh cho 241,6 nghìn lượt người; điều trị nội trú 18,4 nghìn lượt; phẫu thuật 2.791 ca. Đã thực hiện tiêm chủng đủ liều cho 1.301 trẻ em dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 1.600 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 1.424 phụ nữ có thai.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 2.167 ca sốt xuất huyết (01 ca tử vong), tăng 16,51% so cùng kỳ năm trước; 2.673 ca bệnh Tay - Chân - Miệng (01 ca tử vong), gấp 3,56 lần; 167 ca viêm gan vi rút các loại, gấp 4,77 lần... Đã khám chữa bệnh cho 1.936,8 nghìn lượt người; điều trị nội trú 143,1 nghìn lượt người; phẫu thuật 20,5 nghìn lượt người. Đã thực hiện tiêm đủ liều cho 8.784 trẻ dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 10.849 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 10.096 phụ nữ có thai. Tính đến 16 giờ 00 ngày 16/8/2023, toàn tỉnh ghi nhận tích lũy 120.490 trường hợp mắc COVID-19; trong đó có 368 ca tử vong, chiếm tỷ lệ 0,3%.

Trong tháng, đã phát hiện thêm 10 trường hợp nhiễm mới HIV, nâng tổng số người nhiễm HIV đến nay là 2.855 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 2.004 người và số người tử vong do AIDS đến nay là 1.322 người.

c. Văn hóa, thể thao

Ngành Văn hóa và Thể thao đã tổ chức tuyên truyền cổ động trực quan hưởng ứng Kỷ niệm 78 năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2023) với 200 lá cờ Đảng, cờ Tổ Quốc, 100 lá cờ cầu, 10 lá cờ hồng kỳ và 70 phướn. Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh đã tổ chức 87 buổi chiếu phim lưu động phục vụ đồng bào tại các điểm vùng sâu, vùng xa, hải đảo

trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; thực hiện 02 buổi biểu diễn Nghệ thuật đường phố và 4 buổi hô bài chòi phục vụ Nhân dân và du khách; tổ chức thành công Liên hoan các Làng Văn hóa tỉnh Khánh Hòa lần thứ VI năm 2023. Đoàn ca múa nhạc Hải Đăng phối hợp biểu diễn chương trình “Mạnh giàu từ biển quê hương”; phục vụ các buổi lễ, hội nghị và hội thi trên địa bàn tỉnh. Nhà hát Nghệ thuật truyền thống đã tổ chức 12 buổi Biểu diễn Nghệ thuật đường phố; 4 buổi biểu diễn tại các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh. Bảo tàng tỉnh thực hiện trưng bày triển lãm “Đặc trưng văn hóa các dân tộc thiểu số Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”. Trung tâm Bảo tồn di tích phục vụ 245.103 khách tham quan và khách hành hương tại di tích Tháp Bà và danh thắng Hòn Chồng. Thư viện tỉnh đã phục vụ 10.199 lượt bạn đọc tại thư viện (4.630 lượt người lớn, 5.569 lượt thiếu nhi), 15.126 lượt bạn đọc qua mạng; số lượt sách báo phục vụ tại thư viện là 16.307 lượt; thực hiện cấp phát và gia hạn 237 thẻ bạn đọc.

Về thể thao, các đội tuyển đã tham gia giải Bóng bàn trẻ, thiếu niên và nhi đồng; giải Vô địch Cử tạ trẻ quốc gia năm 2023; giải Vô địch Cử tạ trẻ quốc gia năm 2023; giải Bóng đá bãi biển Vô địch quốc gia năm 2023; giải Vô địch Taekwondo các lứa tuổi trẻ quốc gia năm 2023; giải Vô địch Triathlon quốc gia năm 2023 và vòng loại Giải bóng đá vô địch U15 quốc gia năm 2023 với thành tích đạt được là 25 bộ huy chương (03 Vàng, 05 Bạc, 17 Đồng); 22 vận động viên cấp I quốc gia. Tính đến ngày 14/8/2023, các đội đã đạt được 189 bộ huy chương các loại (50 Vàng, 59 Bạc, 80 Đồng); có 14 vận động viên cấp kiện tướng và 46 vận động viên cấp I quốc gia.

d. Tai nạn giao thông⁵

Từ ngày 15/7/2023 đến 14/8/2023, toàn tỉnh đã xảy ra 10 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 12 người, bị thương 14 người; 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 01 người. So tháng trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 02 vụ, số người bị thương tăng 11 người; số vụ tai nạn giao thông đường sắt tăng 01 vụ, số người chết tăng 01 người. So cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 02 vụ, số người bị thương tăng 11 người; số vụ tai nạn giao thông đường sắt giảm 01 vụ, số người chết giảm 01 người.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/8/2023), trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 63 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết

⁵ Theo báo cáo của Ban an toàn giao thông.

67 người, bị thương 37 người; 05 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 05 người. So cùng kỳ năm trước, tai nạn giao thông đường bộ giảm 06 vụ, giảm 08 người chết, tăng 10 người bị thương; tai nạn giao thông đường sắt tăng 02 vụ, số người chết tăng 02 người; tai nạn giao thông đường thủy giảm 01 vụ, giảm 01 người chết.

e. Tình hình cháy, nổ⁶

Trong tháng 8/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy, tăng 02 vụ so tháng trước và tăng 02 vụ so cùng kỳ năm trước; không có thiệt hại về người và đang thống kê giá trị thiệt hại. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 23 vụ cháy, tăng 11 vụ so cùng kỳ năm trước; làm chết 03 người, tăng 03 người; ước tính giá trị thiệt hại của 09 vụ cháy là 4,6 tỷ đồng và 14 vụ đang thống kê giá trị thiệt hại, tăng 1,2 tỷ đồng./.

Nơi nhận:

- Bí thư và các Phó Bí thư tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, tp;
- Lãnh đạo Cục;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Thị Trúc Phương

⁶ Theo báo cáo nhanh của Công an tỉnh.

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

8 tháng đầu năm 2023

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(tính đến ngày 15/8/2023)



Diện tích gieo trồng
cây lương thực (ha)

40.141,2

↓0,66%



Diện tích gieo trồng
cây chất bột có củ (ha)

2.609,8

↓13,44%



Tổng diện tích
gieo trồng
cây hàng năm (ha)

55.127,7

↓3,91%



Diện tích gieo trồng
cây thực phẩm (ha)

3.164,6

↓2,75%



Diện tích gieo trồng
cây CN hàng năm (ha)

8.125,2

↓15,5%

LÂM NGHIỆP

so năm trước

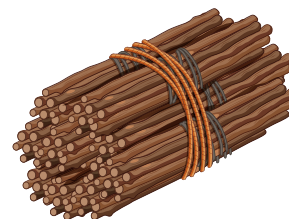
Sản lượng gỗ khai thác

53,5 nghìn m³ ↑11,59%



Sản lượng củi khai thác

27,1 nghìn ste ↑5,02%



THỦY SẢN

so năm trước

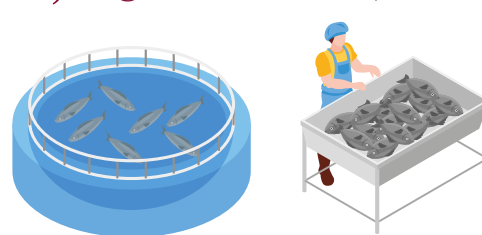
Sản lượng khai thác

74,9 nghìn tấn ↑0,13%



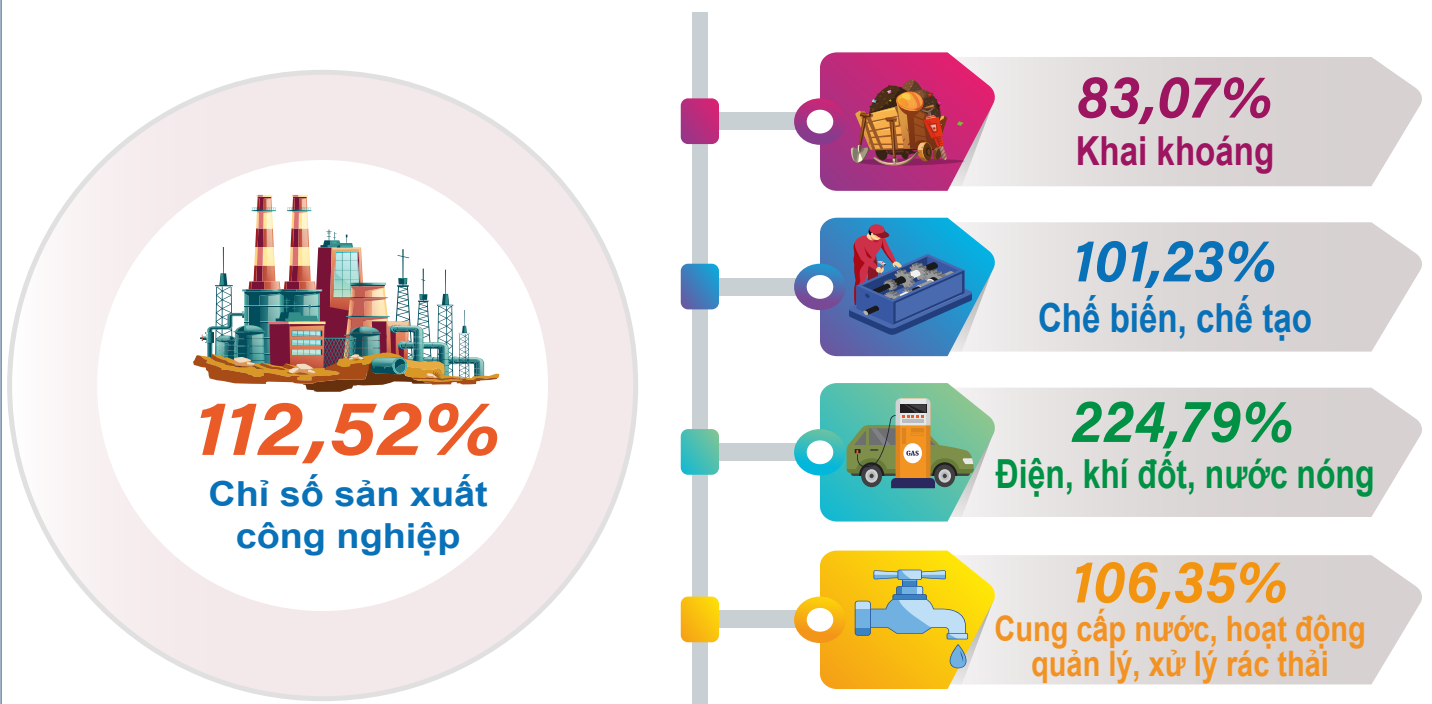
Sản lượng nuôi trồng

12,7 nghìn tấn ↑4,61%



SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước



TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ KINH DOANH

(tính đến ngày 15/8/2023)

Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới

1.269
Doanh nghiệp ↓ 8,57%
so cùng kỳ năm trước



620

↓ 35,82%

Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động



1.381

↑ 2,98%

Doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động



190

↓ 16,3%

Doanh nghiệp giải thể



VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.325,8 tỷ đồng

↑ **7,08%** so cùng kỳ năm trước



Vốn NSNN
cấp tỉnh

1.392,9
tỷ đồng

↑ **12,16%**

Vốn NSNN
cấp huyện

711,8
tỷ đồng

↑ **1,82%**

Vốn NSNN
cấp xã

221,1
tỷ đồng

↓ **4,28%**

THU, CHI NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN

10.356 tỷ đồng

Tổng thu Ngân sách
↓ **8,33%** so cùng kỳ năm trước



7.765 tỷ đồng

Tổng chi Ngân sách
↑ **10,93%** so cùng kỳ năm trước

THƯƠNG MẠI

Tổng mức bán lẻ hàng hóa
và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

75.413
tỷ đồng

↑ **19,57%**
so cùng kỳ năm trước



Bán lẻ

45.406 tỷ đồng

↑ **9,6%**



Dịch vụ lữ hành

2.217 tỷ đồng

↑ **133,8%**



Lưu trú, ăn uống

17.897 tỷ đồng

↑ **51,55%**



Dịch vụ khác

9.893 tỷ đồng

↑ **11,34%**

XUẤT, NHẬP KHẨU

Xuất khẩu
955,1 triệu USD

↓ 9,99%
so cùng kỳ năm trước



Nhập khẩu
790,9 triệu USD

↓ 34%
so cùng kỳ năm trước

Xuất siêu
164,3 triệu USD

VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG BIỂN

Vận tải hành khách



Vận chuyển

23,8 triệu lượt người ↑ 23,82%

Luân chuyển

1.160,6 triệu lượt người.km ↑ 25,04%

Vận tải hàng hóa



Vận chuyển

27,1 triệu tấn ↑ 12,8%

Luân chuyển

2.634,6 triệu tấn.km ↑ 2,25%

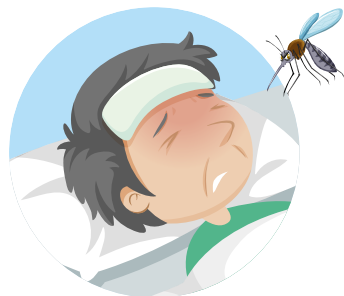
CHỈ SỐ GIÁ

tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm 2022



MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm



Bệnh
sốt xuất huyết

2.167

ca



Bệnh
Tay - chân - miệng

2.673

ca



Ngộ độc
thực phẩm

03

ca

Tai nạn giao thông đường bộ (tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/8/2023)

Số vụ tai nạn

63

vụ

↓ 06

Số người chết

67

người

↓ 08

Số người bị thương

37

người

↑ 10



Tình hình cháy, nổ (tính đến ngày 14/8/2023)

23 vụ cháy

↑ 11 vụ cháy

1. Sản xuất Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính 8 tháng đầu năm 2023	Thực hiện 8 tháng đầu năm 2022	8 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
				KH 2023	8T/2022
a. Sản xuất nông nghiệp (Tính đến ngày 15 tháng 8 năm 2023)					
* Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm (Tính từ đầu vụ Đông Xuân 2022-2023)	ha	55.127,7	57.372,8	81,06	96,09
Trong đó:					
- Cây lương thực	ha	40.141,2	40.409,9	80,35	99,34
+ Lúa	"	37.687,4	37.848,8	83,87	99,57
. Lúa đông xuân	"	19.469,4	19.908,9	96,79	97,79
. Lúa hè thu	"	18.138,0	17.857,9	100,93	101,57
. Lúa mùa	"	80,0	82,0	1,17	97,56
+ Ngô	"	2.453,9	2.561,1	48,91	95,82
- Cây chất bột có củ	ha	2.609,8	3.015,1	90,12	86,56
+ Khoai lang	"	75,0	77,9	92,59	96,28
+ Sắn	"	2.346,3	2.721,7	87,71	86,21
+ Chất bột khác	"	188,5	215,5	134,64	87,47
- Cây thực phẩm	ha	3.164,6	3.254,0	58,84	97,25
+ Rau các loại	"	2.674,5	2.746,1	61,37	97,39
+ Đậu các loại	"	490,1	507,9	48,05	96,50
- Cây công nghiệp hàng năm	ha	8.125,2	9.615,2	83,11	84,50
Trong đó:					
+ Mía	"	7.640,8	9.114,2	83,82	83,83
+ Thuốc lá	"	170,0	183,0		92,90
+ Lạc	"	299,5	298,2	72,17	100,44
b. Lâm nghiệp					
* Sản phẩm chủ yếu					
- Gỗ khai thác từ rừng trồng	m ³	53.485,4	47.929,0		111,59
- Diện tích rừng trồng mới tập trung	ha	431,0	572,0		75,35
c. Thủy sản					
* Tổng sản lượng thủy sản	tấn	87.562,4	86.907,2	75,62	100,75
- Sản lượng thủy sản khai thác	"	74.886,8	74.790,7	76,42	100,13
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	12.675,6	12.116,5	71,21	104,61
Trong đó:					
+ Sản lượng tôm thịt thu hoạch	"	2.566,5	2.346,4		109,38
+ Sản lượng tôm hùm thu hoạch	"	1.155,0	1.053,3		109,66
* Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	3.160,5	3.071,8	79,57	102,89

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Ước tính tháng 8 năm 2023 so với tháng trước	Ước tính tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước	8 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	107,60	132,76	112,52
- Khai khoáng	89,96	101,70	83,07
- Công nghiệp chế biến, chế tạo	107,90	99,12	101,23
- Sản xuất chế biến thực phẩm	103,01	90,49	84,98
- Sản xuất đồ uống	208,65	87,42	99,65
- Sản xuất sản phẩm thuốc lá	101,83	113,70	119,43
- Dệt	75,76	62,97	104,01
- Sản xuất trang phục	171,40	56,69	72,24
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	101,48	109,71	114,66
- Chế biến gỗ và SX SP từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); SP từ rơm, rạ và vật liệu tét, bện	69,30	64,23	89,54
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	94,19	180,11	199,84
- In, sao chép bản ghi các loại	47,81	122,27	87,07
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	108,16	111,77	106,93
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	99,33	84,04	89,62
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ MMTB)	94,84	90,72	100,38
- Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	109,68	119,02	108,84
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	86,97	121,26	117,21
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	102,60	104,48	91,02
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	95,39	71,16	83,99
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	107,56	423,15	224,79
- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	103,67	105,64	106,35

3. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2023	8 tháng đầu năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)
- Đá xây dựng khác	m ³	55.145,0	421.402,5	100,16	81,35
- Cá ngừ đông lạnh	tấn	2.334,0	14.407,5	110,45	65,20
- Cá khác đông lạnh	tấn	1.599,8	13.341,7	58,11	79,57
- Tôm đông lạnh	tấn	2.281,2	14.352,5	101,54	87,62
- Đường RE	tấn	-	70.594,0	-	264,51
- Đường RS	tấn	-	70.306,0	-	92,01
- Bia đóng chai	nghìn lít	52,3	314,8	142,40	89,24
- Bia đóng lon	nghìn lít	3.881,0	32.327,9	118,66	108,14
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	nghìn lít	4.184,5	43.829,2	83,10	98,46
- Thuốc lá có đầu lọc	nghìn bao	86.443,0	687.674,0	113,70	119,43
- Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa	tấn	250,0	2.229,0	62,97	104,01
- Bộ quần áo thể thao khác	nghìn cái	300,0	3.257,9	56,69	73,32
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	m ²	10.479,6	75.342,1	99,27	107,81
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	chiếc	4.441,1	25.482,2	109,16	114,51
- Bàn bằng gỗ các loại	chiếc	19.698,5	122.379,4	108,33	87,02
- Điện sản xuất	triệu Kwh	540,6	1.753,6	915,10	388,71
- Điện thương phẩm	triệu Kwh	339,1	2.380,1	114,29	113,53

4. Doanh nghiệp và Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2023	8 tháng đầu năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	8T/2022
a. Một số chỉ tiêu về doanh nghiệp (Tính đến ngày 15/8/2023)						
- Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	doanh nghiệp	83	1.269	85,57	-	91,43
- Vốn đăng ký mới	tỷ đồng	480,4	7.429,8	96,48	-	49,38
- Doanh nghiệp hoạt động trở lại	doanh nghiệp	24	620	80,00	-	64,18
- Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động	"	52	1.381	136,84	-	102,98
- Doanh nghiệp đã giải thể	"	7	190	41,18	-	83,70
b. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước						
- Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	triệu đồng	447.000	2.325.773	110,32	40,00	107,08
- Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	"	274.500	1.392.910	123,79	31,13	112,16
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	"	130.000	711.762	95,23	70,57	101,82
- Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	"	42.500	221.101	90,59	66,75	95,72

5. Thương mại và du lịch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2023	8 tháng năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	8T/2022
a. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	triệu đồng	16.407.392	122.108.231	117,96	-	117,65
* Trong đó: Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	"	10.561.351	75.412.542	124,71	78,30	119,57
<i>Chia theo ngành kinh tế:</i>						
- Ngành Thương mại	triệu đồng	5.829.163	45.405.550	111,23	-	109,60
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	"	2.921.473	17.896.861	156,67	-	151,55
- Ngành Dịch vụ lữ hành	"	457.500	2.217.505	244,59	-	233,80
- Ngành Dịch vụ khác	"	1.353.215	9.892.626	115,05	-	111,34
b. Xuất, nhập khẩu						
* Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	nghìn USD	88.900	955.160	68,36	54,58	90,01
Mặt hàng xuất chủ yếu						
- Thủy sản các loại	tấn	8.370	57.822	85,97	-	81,51
- Cà phê	"	2.000	38.217	53,88	-	88,57
- Tàu biển (trọng tải trên 56.000 tấn)	chiếc	-	1	#DIV/0!	-	50,00
- Tàu biển (trọng tải dưới 56.000 tấn)	"	-	7	-	-	116,67
* Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	nghìn USD	105.370	790.864	70,60	68,47	66,00
Mặt hàng nhập chủ yếu						
- Giấy các loại	tấn	31	111	#DIV/0!	-	54,36
- Xơ, sợi dệt các loại	"	27	85	24,88	-	6,26
- Sắt, thép các loại	"	12.850	113.375	222,55	-	123,87
c. Du lịch						
- Tổng doanh thu du lịch	triệu đồng	4.869.530	23.909.704	261,51	113,86	252,21
- Khách lưu trú	lượt người	1.000.000	5.000.315	260,30	125,01	272,33
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	"	245.100	1.240.774	624,22	82,72	1.073,82
- Ngày khách lưu trú	ngày khách	2.690.200	13.434.837	301,26	116,82	309,02
<i>Trong đó: Ngày khách quốc tế</i>	"	1.029.420	5.275.140	620,30	77,58	1.049,17

6. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Chỉ số giá tháng 8 năm 2023 so với:				Chỉ số giá bình quân 8 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022
	Kỳ gốc 2019	Tháng 8 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 7 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CHUNG	111,91	104,30	100,90	101,22	103,47
1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,22	102,76	101,50	100,73	103,81
<i>Trong đó: Lương thực</i>	<i>129,82</i>	<i>113,32</i>	<i>111,85</i>	<i>106,90</i>	<i>106,11</i>
<i>Thực phẩm</i>	<i>111,25</i>	<i>102,02</i>	<i>100,12</i>	<i>100,12</i>	<i>103,71</i>
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	<i>112,23</i>	<i>101,00</i>	<i>101,00</i>	<i>100,01</i>	<i>103,36</i>
2. Đồ uống và thuốc lá	109,78	101,19	100,27	100,09	102,44
3. May mặc, giày dép và mũ nón	106,76	101,37	100,66	100,09	101,66
4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	117,97	112,55	109,33	102,17	106,67
5. Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,68	100,83	100,64	100,23	101,59
6. Thuốc và dịch vụ y tế	102,97	100,72	100,71	100,00	100,27
7. Giao thông	112,09	98,96	106,14	104,95	92,13
8. Bưu chính, viễn thông	99,98	99,98	99,99	100,00	99,99
9. Giáo dục	107,01	103,25	58,73	100,42	117,96
10. Văn hoá, giải trí và du lịch	101,93	101,61	100,92	100,22	101,69
11. Hàng hóa và dịch vụ khác	117,72	106,74	105,90	100,32	104,50
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	170,93	100,47	100,25	100,36	100,28
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	102,43	98,46	97,08	100,53	99,60

7. Giá bán lẻ hàng hóa một số mặt hàng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Tháng 8 năm 2023	Tháng 8 năm 2022	Tháng 12 năm 2022
1	Gạo tẻ thường (ML202)	đồng/kg	14.490	12.341	12.514
2	Gạo tẻ ngon (Gò Công)	đồng/kg	22.374	20.397	20.331
3	Gạo nếp thường	đồng/kg	19.543	17.499	17.664
4	Sắn tươi	đồng/kg	13.808	12.981	13.388
5	Thịt lợn mỡ sấn	đồng/kg	108.937	113.141	107.622
6	Thịt bò bắp	đồng/kg	246.165	243.988	244.424
7	Gà mái ta làm sạch, loại bỏ nội tạng	đồng/kg	135.558	129.863	127.532
8	Trứng vịt loại vừa	đồng/10 quả	36.228	36.470	37.472
9	Dầu ăn Neptune 1 lít	đồng/lít	55.892	60.274	59.132
10	Cá thu khúc giữa	đồng/kg	261.455	254.926	260.129
11	Đậu phụng loại 1	đồng/kg	47.530	45.455	45.889
12	Đậu xanh hạt loại 1	đồng/kg	40.061	38.284	38.342
13	Đậu nành	đồng/kg	19.239	19.350	19.599
14	Muối hạt	đồng/kg	5.000	3.663	5.000
15	Nước mắm cá cơm 40 độ đậm	đồng/lít	121.379	118.706	120.680
16	Bột ngọt Ajinomoto gói 454g	đồng/kg	71.452	68.861	69.131
17	Sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ	đồng/hộp	23.000	22.000	23.000
18	Nước khoáng Lavie 500ml	đồng/lít	9.189	9.033	9.159
19	Bia chai Sài Gòn 450ml	đồng/lít	16.648	16.381	16.381
20	Thuốc lá White Horse Khánh Hoà	đồng/bao	25.000	25.000	25.000
21	Đường trắng kết tinh Khánh Hòa	đồng/kg	24.037	22.478	22.971
22	Giấy kẻ ngang 20 tờ/tập	đồng/tập	5.621	5.317	5.317
23	Vitamin B1-100mg, lọ 100 viên	đồng/100viên	8.239	7.880	7.880
24	Xi măng đen PC40 Hoàng Thạch	đồng/kg	1.751	1.758	1.726
25	Gạch xây (gạch ống Tuynen)	đồng/viên	1.057	1.218	1.155
26	Dầu hỏa	đồng/lít	21.831	24.461	23.001
27	Xăng E5	đồng/lít	23.389	24.531	21.177
28	Điện sinh hoạt	đồng/kwh	2.407	2.350	2.203
29	Gas đun (bình 12 kg-Shellgas)	đồng/kg	31.623	35.915	36.657
30	Nước máy	đồng/m ³	6.787	5.896	6.831
31	Vàng 99,99%	nghìn đồng/chỉ	6.738	6.706	6.721
32	Đô la Mỹ	đồng/USD	23.808	24.181	24.524

8. Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2023	8 tháng đầu năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)
a. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ	tỷ đồng	863,1	5.885,2	126,88	116,53
- Vận tải hành khách	"	184,0	1.217,0	123,15	130,98
- Vận tải hàng hóa	"	332,3	2.419,8	116,09	114,05
- Kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải	"	346,8	2.248,4	141,77	112,45
b. Vận tải hành khách và hàng hóa					
* Hành khách					
- Vận chuyển	nghìn l ng	3.714,1	24.009,4	116,07	123,69
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn l ng	3.386,7	21.990,4	112,44	118,98
+ Đường thủy	"	297,4	1.785,1	195,02	248,38
- Luân chuyển	nghìnl ng.km	192.260,3	1.269.802,6	115,76	124,27
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìnl ng.km	175.787,8	1.145.426,7	117,74	124,23
+ Đường thủy	"	2.472,5	15.206,6	186,03	246,80
* Hàng hóa					
- Vận chuyển	nghìn tấn	3.703,0	27.204,0	117,31	112,78
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn tấn	3.663,1	26.859,1	118,66	113,49
+ Đường thủy	"	27,9	271,2	46,66	70,31
- Luân chuyển	nghìn t.km	352.034,4	2.679.593,2	99,68	101,94
<i>Trong đó:</i>					
+ Đường bộ	nghìn t.km	298.156,4	2.200.517,7	120,10	114,38
+ Đường thủy	"	46.878,0	434.084,0	47,09	66,50

9. Tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính tháng 8 năm 2023	8 tháng đầu năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so với (%)	
					KH 2023	8T/2022
a. Tổng thu ngân sách nhà nước	triệu đồng	1.306.676	10.356.000	93,12	67,05	91,67
* Thu từ SXKD trong nước	"	1.062.704	8.836.000	102,15	65,65	101,19
- Doanh nghiệp nhà nước trung ương	"	28.545	292.000	109,98	58,40	103,06
- Doanh nghiệp nhà nước địa phương	"	260.078	2.304.000	77,53	70,67	107,80
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	"	57.774	507.000	95,54	46,94	75,72
- Thu ngoài quốc doanh	"	309.123	2.370.000	150,27	69,93	117,14
- Lệ phí trước bạ	"	42.042	297.451	64,41	54,08	62,05
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	"	-	2	-	-	100,00
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	"	337	8.000	43,33	50,00	55,02
- Thuế thu nhập cá nhân	"	151.071	1.069.000	148,86	76,91	86,64
- Thu thuế bảo vệ môi trường	"	44.488	380.000	106,54	34,55	65,91
- Thu xổ số kiến thiết	"	20.233	209.000	120,47	95,00	119,96
- Thu phí và lệ phí	"	28.722	208.000	145,44	94,55	129,63
- Thu tiền sử dụng đất	"	61.206	500.000	76,77	58,82	109,26
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	"	13.401	140.000	121,22	46,67	102,55
- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN	"	-	5.530	-	-	19.750,00
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi CS	"	712	7.000	46,05	36,84	56,28
- Thu tiền sử dụng khu vực biển	"	-	17	-	1,70	1,16
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	"	6.203	45.000	199,39	100,00	162,93
- Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	"	1.573	225.000	4,61	118,42	184,39
- Thu khác ngân sách	"	37.196	269.000	99,72	81,52	121,31
* Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	"	243.972	1.520.000	67,21	76,57	59,26
b. Chi cân đối ngân sách địa phương	triệu đồng	1.709.370	7.765.030	191,01	52,14	110,93
* Chi đầu tư phát triển	"	973.684	3.337.860	278,21	50,74	122,38
<i>Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản</i>	"	<i>445.911</i>	<i>1.325.000</i>	<i>202,95</i>	<i>52,74</i>	<i>160,55</i>
* Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	"	-	-	-	-	-
* Chi trả nợ vốn vay đầu tư	"	85	2.700	1.700,00	23,43	118,16
* Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ TC	"	-	16.170	-	1.382,05	-
* Dự phòng ngân sách	"	-	-	-	-	-
* Chi thường xuyên	"	735.601	4.408.300	135,00	54,66	103,24
- Chi sự nghiệp kinh tế	"	147.959	481.000	115,30	31,54	97,58
- Chi sự nghiệp văn xã	"	409.314	2.761.100	138,72	58,89	101,24
- Chi quản lý hành chính	"	127.372	904.000	142,69	66,30	115,27
- Chi quốc phòng, an ninh	"	44.503	226.200	179,24	77,98	116,56
- Chi khác ngân sách	"	6.453	36.000	86,78	18,20	50,35
* Chi khác	"	-	-	-	-	-

10. Trật tự, an toàn xã hội

Chi tiêu	Tháng 8 năm 2023	8 tháng đầu năm 2023	Tháng 8 năm 2023 so với kỳ trước (%)	Tháng 8 năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)	8 tháng đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông (Tính từ 15/7/2023 đến 14/8/2023)					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	11	68	137,50	78,57	93,15
Đường bộ	10	63	125,00	83,33	91,30
Đường sắt	1	5	-	50,00	166,67
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người chết (Người)	13	72	108,33	92,86	91,14
Đường bộ	12	67	100,00	100,00	89,33
Đường sắt	1	5	-	50,00	166,67
Đường thủy	-	-	-	-	-
Số người bị thương (Người)	14	37	466,67	466,67	137,04
Đường bộ	14	37	466,67	466,67	137,04
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
Cháy, nổ (Tính từ ngày 16/7/2023 đến 15/8/2023)					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	2	23	-	-	191,67
Số người chết (Người)	-	3	-	-	-
Số người bị thương (Người)	-	-	-	-	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng) ^(*)	-	4.578	-	-	136,42

(*): Giá trị tài sản thiệt hại ước tính của 9 vụ cháy, nổ; 14 vụ đang thống kê giá trị